

BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ
TỔ THƯ KÝ
(Với sự hỗ trợ của UNDP)
-----***-----

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ NHÓM 3:

ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG
LĨNH VỰC TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC -
VAI TRÒ, CHỨC NĂNG, TRÁCH NHIỆM VÀ CƠ CẤU

Nhóm trưởng: *ThS. Bùi Đức Bên*
Các thành viên chính: *TS. Vũ Văn Thái*
CN. Nguyễn Đức Chiến
CN. Nguyễn Thị Khánh
CN. Lại Thanh Xuân
CN. Phạm Minh Tạo
CN. Đào Hồng Minh

HÀ NỘI, THÁNG 6 NĂM 2000

MỤC LỤC

	Trang
TÓM TẮT	4
I/ ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ, CHỨC NĂNG, TRÁCH NHIỆM CỦA CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG.	6
<i>1. Kết quả về cải cách vai trò, chức năng, trách nhiệm của hệ thống hành chính nhà nước</i>	6
1.1 Đánh giá những nét khái quát	
1.2 Những thay đổi khả quan và ảnh hưởng về vai trò, chức năng, trách nhiệm của tổ chức hành chính	
<i>2. Những tồn tại của tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước</i>	9
<i>3. Nguyên nhân</i>	13
<i>4. Đề xuất - định hướng và giải pháp về vai trò, chức năng, trách nhiệm của Chính phủ và chính quyền địa phương</i>	14
4.1 Về vai trò chức năng mới của Chính phủ và cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong nền kinh tế thị trường:	
4.2 Giải pháp tiến hành rà soát và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền trách nhiệm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	
II/ ĐÁNH GIÁ CƠ CẤU TỔ CHỨC CẤP TRUNG ƯƠNG	17
<i>1. Những kết quả cải cách cơ cấu tổ chức bộ máy Trung ương:</i>	17
1.1 Về sắp xếp, tinh giảm tổ chức cũ:	
1.2 Về thành lập tổ chức mới và nâng cấp tổ chức:	
1.3 Những thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy Trung ương và ảnh hưởng của sự thay đổi	
<i>2. Vấn đề tồn tại, hạn chế của tổ chức, bộ máy Trung ương</i>	20
<i>3. Nguyên nhân</i>	24
<i>4. Đề xuất phương hướng - giải pháp về cải cách cơ cấu tổ chức bộ máy Trung ương</i>	25

4.1 Đối tượng cải cách cơ cấu tổ chức bộ máy Trung ương

4.2 Hướng sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu tổ chức

III/ ĐÁNH GIÁ CƠ CẤU TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG: 29

1. Về kết quả cải cách cơ cấu chính quyền địa phương các cấp 29

2. Những tồn tại, hạn chế của tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 30

3. Nguyên nhân 31

4. Đề xuất phương hướng - giải pháp cải cách về tổ chức chính quyền địa phương 31

4.1 Cần cải cách một bước căn bản tổ chức bộ máy chính quyền địa phương cho phù hợp với thực tế theo hướng.

4.2 Hướng điều chỉnh các cơ quan chuyên môn ở địa phương.

TÓM TẮT

- Cải cách tổ chức nền hành chính nhà nước trong những năm vừa qua đã tập trung vào các vấn đề cơ bản là:

+ Thay đổi vai trò chức năng quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước từ Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương các cấp theo yêu cầu quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường đối với mọi thành phần kinh tế và bao quát toàn xã hội.

+ Sắp xếp, điều chỉnh một bước cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan hành chính nhà nước các cấp cho phù hợp với cơ chế quản lý mới và tương thích với vai trò chức năng quản lý Nhà nước của mỗi cấp hành chính và mỗi cơ quan.

+ Đổi mới sự chỉ đạo, điều hành và phân cấp, phân quyền quản lý giữa các cấp hành chính, nhất là phân cấp về thẩm quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phân cấp giữa Trung ương và địa phương.

- Trong quá trình thực hiện cải cách tổ chức nền hành chính nhà nước, tuy có đạt được một số kết quả quan trọng để tạo cơ sở, tiền đề cho sự tiếp tục cải cách; song vẫn còn nhiều tồn tại và hạn chế làm giảm hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống tổ chức bộ máy hành chính. Do đó, những định hướng và giải pháp cần phải tiếp tục cải cách tổ chức nền hành chính đã đề cập các vấn đề sau:

+ Rà soát, điều chỉnh chức năng quản lý của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương các cấp theo hướng chủ yếu tập trung vào vai trò, chức năng quản lý nhà nước thông qua thể chế, chính sách, các công cụ quản lý vĩ mô khác và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, nhất là công tác "hậu kiểm" từ các hoạt động ở kết quả đầu ra. Trên cơ sở đó xác định rõ vai trò, chức năng mới của các cơ quan hành chính nhà nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường theo nguyên tắc phân công xã hội, không phải hệ thống tổ chức nền hành chính Nhà nước phải làm tất cả mọi việc, mà xác định những việc đích thực hệ thống hành chính nhà nước phải làm, còn các công việc khác để cho xã hội tự điều chỉnh.

+ Tiếp tục tiến hành cơ cấu lại tổ chức bộ máy Chính phủ, các cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương các cấp theo hướng tinh gọn, hợp lý, đảm bảo phù hợp với vai trò, chức năng mới của mỗi cấp hành chính và mỗi cơ quan hành chính nhà nước theo mô hình tổ chức quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực.

Đối tượng sắp xếp, điều chỉnh bao gồm cơ cấu Chính phủ, các cơ quan Trung ương, nhất là loại cơ quan trực thuộc Chính phủ và trực thuộc Thủ tướng và bộ máy hành chính địa phương các cấp.

+ Ban hành đầy đủ, đồng bộ thể chế tổ chức bộ máy, thể chế vận hành để đảm bảo tính pháp lý và qui chế làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước theo đúng chức trách, thẩm quyền và có hiệu quả.

Cần có quyết tâm chính trị cao và sự nhất quán trong chủ trương, phương hướng và hành động để tiến hành cải cách tổ chức nền hành chính nhà nước đồng bộ với cải cách tổng thể bộ máy lập pháp, tư pháp và đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của cả hệ thống chính trị.

ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - VAI TRÒ, CHỨC NĂNG, TRÁCH NHIỆM VÀ CƠ CẤU

I/ ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ, CHỨC NĂNG, TRÁCH NHIỆM CỦA CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG.

1. Kết quả về cải cách vai trò, chức năng, trách nhiệm của hệ thống hành chính nhà nước

1.1 Đánh giá những nét khái quát.

Khái quát nhất là "đã có sự đổi mới quan trọng về vai trò, chức năng, trách nhiệm của tổ chức, bộ máy Chính phủ, các Bộ và cơ quan hành chính các cấp địa phương" cho phù hợp với cơ chế mới trong nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Đây là vấn đề rất cơ bản của tổ chức bộ máy hành chính, vì chức năng là cơ sở để qui định mô hình tổ chức trong suốt quá trình vận động, phát triển, hoàn thiện hệ thống hành chính nhà nước. Cho nên sự đổi mới này không chỉ có ý nghĩa về mặt kết quả đạt được, mà còn tạo ra cơ sở định hướng cho việc tiếp tục cải cách căn bản, toàn diện tổ chức, bộ máy trong những năm tới.

- Trên thực tế vai trò, chức năng, trách nhiệm của tổ chức bộ máy đã từng bước được đổi mới, điều chỉnh, bổ sung theo yêu cầu quản lý nhà nước và quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý, thực hiện chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước. Do cải cách bộ máy hành chính gắn với quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế đã đem lại kết quả quan trọng là:

+ Làm rõ hơn vai trò, chức năng quản lý vĩ mô của Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Cơ quan hành chính địa phương các cấp cũng chuyển mạnh sang chủ yếu thực hiện vai trò, chức năng quản lý hành chính nhà nước theo cơ chế mới trên địa bàn hành chính, khắc phục sự lẫn lộn với chức năng của các đơn vị sự nghiệp và kinh doanh.

+ Phân biệt rõ và thực hiện tốt hơn giữa quản lý hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước với hoạt động quản lý kinh doanh của các doanh nghiệp, để từ đó giảm bớt sự can thiệp không cần thiết, không đúng chức năng vào quá trình sản xuất, kinh doanh nảy sinh tiêu cực xã hội.

Theo đó, xóa bỏ dần chức năng của cơ quan chủ quản đối với doanh nghiệp Nhà nước; giảm đáng kể việc giao quá nhiều chỉ tiêu bắt buộc cho doanh nghiệp, chủ yếu giao nghĩa vụ các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước và trách nhiệm quản lý bảo toàn, phát triển vốn nhà nước giao cho doanh nghiệp, còn các doanh nghiệp tự chủ theo pháp luật. Do đó đã có ảnh hưởng rất tốt đối với hoạt động của các doanh nghiệp, tháo gỡ nhiều phiền hà, ách tắc, cản trở trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và hạn chế bớt tiêu cực xã hội bởi các cán bộ, công chức Nhà nước.

- Về vai trò, chức năng của Chính phủ và cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã có bước chuyển đổi hết sức cơ bản là thực hiện chức năng quản lý nhà nước, bao quát các thành phần kinh tế, xã hội trong điều kiện chuyển sang cơ chế thị trường nhằm phục vụ cho đổi mới kinh tế. Chuyển mạnh từ quản lý trực tiếp sang quản lý gián tiếp thông qua pháp luật và các công cụ quản lý vĩ mô. Ảnh hưởng tích cực của sự chuyển đổi này làm cho biên chế của bộ máy quản lý gián tiếp tinh giảm hơn, vận hành quản lý tốt hơn, phù hợp với vai trò, tính chất của cơ quan Nhà nước.

+ Chính quá trình chuyển đổi chức năng, Chính phủ đã tập trung nhiều hơn vào công tác lập qui, cải cách thể chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính, những việc khác đã từng bước phân công, phân cấp, phân quyền cho các Bộ, ngành và cấp tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm

Tập trung chỉ đạo và triển khai xây dựng, thực hiện chiến lược, qui hoạch, kế hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội của cả nước và của từng Bộ, ngành, các Tổng công ty 91, các địa phương và các vùng lãnh thổ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành và tổ chức thực hiện đối với toàn xã hội.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có sự phân cấp cho các Bộ, ngành, cấp tỉnh và Hội đồng quản trị của Tổng công ty 91 về lĩnh vực quyết định các dự án đầu tư thuộc nhóm B và C; phân cấp trong việc thẩm định và phê chuẩn qui hoạch sắp xếp, phân loại các doanh nghiệp Nhà nước độc lập và các Tổng công ty 90 thuộc Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo sự chỉ đạo chung của Thủ tướng Chính phủ; phân cấp việc quyết định thành lập một số tổ chức phi Chính phủ và ban hành quy chế, điều lệ tổ chức, hoạt động của các tổ chức Hội, tổ chức phi Chính phủ cho Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ; phân cấp việc thẩm định xét duyệt kế hoạch và giao chỉ tiêu biên chế trong hệ thống hành chính Nhà nước, hành chính sự nghiệp cho Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ; có sự thay đổi về phương thức quản lý doanh nghiệp Nhà nước và ủy quyền thành lập sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước và một số lĩnh vực khác.

+ Các Bộ, ngành Trung ương đã chuyển sang thực hiện chức năng quản lý vĩ mô trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách phát triển ngành và thực hiện chức năng đại diện quyền sở hữu, đề cao trách

nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

+ Bộ máy hành chính các cấp của chính quyền địa phương thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các thành phần kinh tế trên địa bàn hành chính, xóa bỏ dần cơ chế chủ quản đối với doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý. Tính chấp hành, kỷ cương và tính chủ động, sáng tạo giải quyết công việc thực tế của địa phương đã được nâng cao một bước và đạt được kết quả tốt hơn.

Ủy ban nhân dân và các Sở chuyên ngành, chuyên lĩnh vực đã tập trung vào công tác xây dựng qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, tổ chức thực hiện cải cách hành chính, thực hiện qui chế dân chủ, sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành và thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện theo vai trò, chức năng quản lý hành chính nhà nước.

1.2 Những thay đổi khả quan và ảnh hưởng về vai trò, chức năng, trách nhiệm của tổ chức hành chính

Một là: Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương các cấp đã có bước chuyển đổi quan trọng từ chỗ thực hiện các công việc có tính chất hành chính sự vụ sang thực hiện chức năng quản lý nhà nước bằng pháp luật, chính sách và các công cụ vĩ mô khác đối với mọi thành phần kinh tế, bao quát toàn ngành, các địa phương và toàn xã hội theo vai trò, chức năng, phạm vi, trách nhiệm của mỗi cấp, mỗi Bộ, ngành và chính quyền địa phương. Từ đó, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, các tổ chức sự nghiệp được tự chủ, xóa bỏ dần chế độ các cơ quan hành chính chỉ quản theo cơ chế xin cho phức tạp nhưng phi hiệu quả.

Hai là: Đã có sự tách bạch và khắc phục sự lẫn lộn giữa chức năng quản lý hành chính nhà nước của các cơ quan công quyền với chức năng sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và chức năng phục vụ, dịch vụ công của các đơn vị sự nghiệp để mỗi loại cơ quan làm đúng vai trò, tính chất, chức năng, trách nhiệm của mình trong nền hành chính. Điều chuyển và trả lại các chức năng không thuộc các cơ quan quản lý Nhà nước cho các doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp thực hiện, nhất là chức năng tổ chức quản lý trực tiếp các hoạt động sản xuất kinh doanh và các dịch vụ công cho các doanh nghiệp và tổ chức sự nghiệp thực hiện.

Ba là: Đã có sự thay đổi trong phương thức hoạt động của Chính phủ, các Bộ, ngành và cơ quan hành chính địa phương các cấp trong việc thực hiện nội dung quản lý hành chính được qui định cho mỗi cấp hành chính và mỗi ngành.

+ Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương đã giảm bớt giải quyết công việc sự vụ, hội họp để tập trung nghiên cứu xây dựng thể chế, chính sách vĩ mô và coi trọng khâu kiểm tra, theo dõi việc tổ chức thực hiện.

+ Chuyển từ phương thức chỉ đạo, điều hành trực tiếp cụ thể sang chỉ đạo, điều hành gián tiếp ở tầm vĩ mô, phân cấp quản lý giữa các cấp hành chính và phương thức hoạt động, chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính bằng pháp luật, thông qua các văn bản qui phạm pháp luật và văn bản hành chính.

2. Những tồn tại của tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước

Về vai trò, chức năng, trách nhiệm của hệ thống hành chính từ Trung ương đến địa phương có những tồn tại, hạn chế chủ yếu sau:

2.1. Việc xác định và phân công chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ và mỗi cơ quan Trung ương còn thiếu sự rõ ràng, chưa hợp lý và chồng chéo, trùng lặp; nhất là ở những lĩnh vực hấp dẫn và lĩnh vực quản lý có sự giao thoa, đan xen về phạm vi, đối tượng giữa các Bộ, ngành. Chức năng quản lý nhà nước của Chính phủ chưa tập trung vào Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là thành viên Chính phủ mà còn phân tán giao cho nhiều cơ quan trực thuộc Chính phủ, kể cả một số cơ quan của Thủ tướng.

- Trên thực tế có nhiều lĩnh vực thuộc chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ tức của Thủ tướng và các thành viên Chính phủ, nhưng lại giao cho các cơ quan thuộc Chính phủ, bao gồm các Tổng cục, Cục, Ủy ban, Ban và một số cơ quan khác. Do cách phân giao như vậy, cho nên Chính phủ vừa phải quản lý - điều hành thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình thông qua một cấp trung gian là các cơ quan thuộc Chính phủ mà người đứng đầu không phải là thành viên Chính phủ, vừa không phát huy hết chức trách của các thành viên Chính phủ trong việc bao quát các công việc của Chính phủ. Nhưng lại có sự bất hợp lý khác là trong lĩnh vực công tác giao cho các cơ quan thuộc Chính phủ đảm nhiệm, song đến khi Chính phủ quyết định các vấn đề đó, thì người đứng đầu cơ quan thuộc Chính phủ lại không có quyền được biểu quyết để thực hiện vì không phải là thành viên Chính phủ.

+ Thật ra, việc xác định và giao chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước cho mỗi Bộ, ngành vẫn chưa có đủ cơ sở luận cứ khoa học có sức thuyết phục, chưa phù hợp với thực tế, thiếu rành mạch, có nhiều chỗ không rõ ràng. Do đó, không làm rõ được các nội dung công việc quản lý nhà nước của mỗi Bộ, ngành làm gì và làm đến đâu. Vì vậy, rất khó xác

định kết quả sản phẩm đầu ra và hiệu quả thực hiện các chức năng quản lý nhà nước của mỗi cơ quan.

Chưa có sự phân biệt và còn lẫn lộn giữa chức năng và tổ chức công quyền hoạt động chính sách, thể chế với chức năng của cơ quan tổ chức thực thi, cũng như cơ quan quản lý trực tiếp và gián tiếp. Chẳng hạn giữa cơ quan là các Vụ với các Cục, Tổng cục trực thuộc Bộ chưa được làm rõ về vai trò, chức năng, vị trí, tính chất khác nhau của mỗi loại cơ quan. Cho nên khi vận hành bộ máy hoạt động tạo ra sự lẫn lộn hoặc đồng nhất, không đúng với tính chất của từng loại cơ quan này.

Đây thực sự là nhược điểm và tồn tại rất cơ bản, nhưng lại là vấn đề phức tạp, rất khó xử lý cả về mặt lý luận và thực tế.

+ Do có những tồn tại và khó khăn như vậy, cho nên thực trạng có sự chồng lấn về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan với nhau rất phức tạp. Nhất là những công việc dễ làm, có lợi ích, có nguồn thu, có kinh phí lớn, thì nhiều Bộ, ngành cùng làm. Nhưng các công việc khó làm, không có nguồn thu, ít kinh phí lại đùn đẩy nhau, dẫn đến tình trạng vừa trùng chéo, vừa bỏ trống, bỏ sót công việc cần quản lý, không rõ địa chỉ xử lý công việc giữa các cơ quan đối với dân và các tổ chức doanh nghiệp, sự nghiệp, xã hội đòi hỏi.

- Theo các văn bản qui phạm pháp luật hiện nay qui định thì chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước cho các Bộ, ngành còn quá chung chung, không đủ rành mạch, rõ ràng, dẫn đến cách hiểu khác nhau, không thống nhất, thiếu cụ thể, rất khó thực hiện.

2.2 Có nhiều tồn tại về phân cấp, phân quyền, về vai trò, chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm quản lý giữa Chính phủ với các Bộ, ngành Trung ương và địa phương

+ Chưa thực hiện được chủ trương đã đề ra về phân cấp giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương. Vừa có tình trạng tập trung quá mức ở Trung ương để vận hành theo cơ chế "xin - cho", vừa có những biểu hiện phân tán, cục bộ ở địa phương làm giảm hiệu lực điều hành của Trung ương và sự chấp hành của địa phương.

Trong phân công, phân cấp còn có sự lẫn lộn và chồng chéo giữa các cơ quan quản lý Nhà nước dẫn đến can thiệp quá sâu vào doanh nghiệp, nhưng đồng thời lại có tình trạng không có cơ quan nào chịu trách nhiệm trong quản lý của mình.

+ Trên thực tế, một mặt các Bộ, ngành Trung ương chưa thật sự muốn phân cấp cho địa phương trên từng lĩnh vực cụ thể; mặt khác, cũng lúng

túng về lý luận và cách làm, nên khó triển khai thực hiện được chủ trương và yêu cầu phân cấp.

2.3 Những tồn tại, vướng mắc về chức năng, trách nhiệm quản lý ở một số lĩnh vực đang đặt ra hiện nay

Khái quát có những tồn tại, vướng mắc sau:

2.3.1 Chưa xác định được rõ nội dung, phạm vi quản lý nhà nước đối với lĩnh vực nông thôn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các Bộ, ngành có liên quan và chính quyền địa phương.

2.3.2 Chưa xác định được rõ nội dung, phạm vi quản lý nhà nước đối với lĩnh vực miền núi của Ủy ban Dân tộc và Miền núi với các Bộ, ngành có liên quan và chính quyền địa phương.

2.3.3 Chưa xác định được rõ ràng nội dung và phạm vi đối tượng quản lý Nhà nước về công nghệ đến đâu giữa Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường với các Bộ, ngành. Vì công nghệ có nội hàm và phạm vi rất rộng nên phân định phạm vi đến đâu và cơ chế phân công phối hợp thế nào đang có ý kiến khác nhau.

2.3.4 Chưa xác định được rõ việc phân giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với dầu khí giữa Bộ Công nghiệp với Văn phòng Chính phủ và Tổng công ty Dầu khí Việt Nam.

2.3.5 Chưa rõ ràng về vai trò, chức năng quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất giữa Bộ Công nghiệp với Ban quản lý các Khu công nghiệp Việt Nam và chính quyền địa phương.

2.3.6 Chưa phân định rõ ràng, rành mạch về thực hiện chức năng đại diện quyền chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp nhà nước.

Trong các Nghị định của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và tổ chức bộ máy của các Bộ, ngành cũng chưa qui định rõ nội dung công việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình đối với các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc là gì, nên việc vận dụng và can thiệp vào hoạt động của các doanh nghiệp thiếu tính thống nhất rất phức tạp.

2.3.7 Chưa rõ ràng và vướng mắc việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và mô hình tổ chức thanh tra giữa thanh tra nhà nước với thanh tra chuyên ngành trong các Bộ. Trong đó có việc tranh chấp lĩnh vực thanh tra an toàn lao động và kiểm định, cấp phép sử dụng các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với các Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật.

2.3.8 Đang có sự vướng mắc và chưa rõ ràng về phân công và phối hợp trong lĩnh vực quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm giữa Bộ Khoa học, Công nghệ với Môi trường và Bộ Thương mại và các Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật, Bộ Y tế.

2.3.9 Lĩnh vực tệ nạn xã hội, bao gồm mại dâm, ma túy và HIV/AIDS giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Y tế và chính quyền địa phương.

2.3.10 Lĩnh vực đào tạo nghề giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ quản lý ngành.

2.3.11 Lĩnh vực nhà đất giữa Tổng cục Địa chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng với chính quyền địa phương.

2.3.12 Quản lý nhà nước về nhà ở và các loại công thự thuộc sở hữu nhà nước của Bộ Xây dựng với quản lý vốn, giá trị tài sản thuộc sở hữu nhà nước của Bộ Tài chính. Từ đó, trong cơ cấu tổ chức Bộ Xây dựng có Cục Quản lý Nhà, còn Bộ Tài chính có Cục Quản lý công sản.

Thật ra, trên thực tế rất khó phân định phạm vi, nội dung quản lý giữa đối tượng quản lý công sản với đối tượng quản lý nhà. Vì đối tượng quản lý nhà thuộc sở hữu nhà nước cũng là một trong những nội dung quản lý công sản.

2.3.13 Tình trạng song trùng, chồng chéo, vướng mắc về quản lý tại cửa khẩu của cơ quan chức năng giữa ngành Hải quan, Kiểm định động thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngành Thuế Bộ Tài chính, Kiểm định chất lượng an toàn thực phẩm Bộ Y tế và một số ngành khác với chính quyền địa phương.

2.3.14 Vẫn chưa rõ ràng, vừa phân tán về nội dung, phạm vi, đối tượng và mô hình tổ chức quản lý Nhà nước về lĩnh vực thông tin báo chí, xuất bản, thông tin quảng bá, phát thanh, truyền hình, thông tấn xã, bưu chính, viễn thông, thông tin Internet, thông tin điện tử - tin học.

Do tình hình thực tế các lĩnh vực thông tin trên đây phát triển có sự đan xen và hội tụ, cho nên mô hình tổ chức quản lý nhà nước về các lĩnh vực thông tin hiện nay quá phân tán, không phù hợp, có nhiều sự chồng lấn, hiệu quả thấp.

2.3.15 Còn có sự trùng lặp nhiều về chức năng, nhiệm vụ lập qui hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực với chức năng tổng hợp, cân đối; xây dựng qui hoạch, kế hoạch chung của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Sự trùng lặp và vướng mắc, phức tạp trong việc

thẩm định phê duyệt các dự án đầu tư ngân sách Nhà nước với việc lại tiếp tục thẩm định và cấp phát vốn đầu tư cho các dự án được phê duyệt giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Nguyên nhân

a. Nguyên nhân:

1- Việc tồn tại, hạn chế về vai trò, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của hệ thống hành chính có nguyên nhân cơ bản và trực tiếp là do chính tổ chức, bộ máy công kên, nhiều đầu mối đã tạo nên sự xác định và phân công chức năng, nhiệm vụ cho mỗi ngành, mỗi cấp chồng lấn, trùng chéo nội dung công việc của nhau, nhất là khi triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ thực tế. Đã thế lại thiếu sự quan hệ phối hợp chặt chẽ để tự bàn bạc giải quyết những vấn đề có liên quan giữa các Bộ, ngành với nhau và chính quyền địa phương.

2- Gắn liền với nguyên nhân trên là do thiếu cơ sở khoa học, chưa sát tình hình thực tế trong việc phân giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước cho mỗi Bộ, ngành và chính quyền địa phương. Cách qui định chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm cho mỗi cơ quan như hiện nay còn quá nhiều chủ quan, áp đặt và qui định còn rất chung chung đã ảnh hưởng nhiều đến hiệu lực và hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao

b. Nhận xét:

1- Đánh giá cách phân giao chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hiện nay là chưa phù hợp với yêu cầu cải cách nền hành chính nhà nước. Vì vừa làm phân tán chức năng tham mưu cho Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ bởi các Bộ, ngành có xu hướng quá bận rộn vào xử lý, điều hành công việc chuyên môn, nghiệp vụ hàng ngày, vừa tạo ra sự lẫn lộn vị trí, vai trò, tính chất giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ với các cơ quan thuộc Chính phủ. Mặt khác, trong các cơ quan thuộc Chính phủ có một số cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước như các Bộ, nhưng lại có một số cơ quan khác lại vừa làm chức năng quản lý nhà nước, vừa làm chức năng của một cơ quan sự nghiệp, còn một số cơ quan hoàn toàn là đơn vị sự nghiệp, nhưng vẫn thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

2- Nhìn chung, còn nhiều cơ quan chưa làm đúng chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước theo cơ chế mới đối với các thành phần kinh tế; chưa tách bạch thật triệt để giữa chức năng quản lý nhà nước với chức năng kinh doanh của các doanh nghiệp, các Bộ, ngành vẫn còn sa đà vào quản lý các doanh nghiệp trực thuộc, chưa thực sự chuyển sang quản lý nhà nước toàn ngành đối với toàn xã hội. Vì vậy mối quan hệ Bộ chủ

quản, cấp hành chính chủ quản đối với doanh nghiệp nhà nước vẫn còn là một vấn đề đặt ra chưa thể loại bỏ được. Cho đến nay cũng chưa phân biệt rõ tổ chức và cơ chế hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước với các đơn vị sự nghiệp và các hoạt động dịch vụ công, nên chủ yếu các loại tổ chức này vẫn hoạt động theo cơ chế hành chính.

3- Việc phân cấp thực hiện chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước giữa các Bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương còn nhiều hạn chế, thiếu chế định cụ thể. Vừa có tình trạng tập trung quá mức ở cấp Trung ương để vận hành theo cơ chế "xin cho" rất không thích hợp, thiếu căn cứ, vừa có những biểu hiện phân tán, cục bộ, khép kín ở mỗi địa phương làm cho bộ máy hoạt động kém hiệu lực và hiệu quả. Các mối quan hệ dọc, ngang, trên dưới xử lý công việc theo chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi cơ quan còn thiếu chặt chẽ, chưa thành quy chế và có nhiều chỗ không rõ ràng chức trách và địa chỉ giải quyết công việc khó xác định thuộc về cơ quan nào.

Trên thực tế sự phân công, phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm hành chính, một mặt các Bộ, ngành Trung ương chưa thực sự muốn phân cấp và cũng lúng túng cả về lý luận và thực tế cách làm; mặt khác, cho đến nay vẫn chưa được qui định thành văn bản qui phạm pháp luật một cách cụ thể, dứt khoát. Do đó mức độ triển khai rất chậm, nhất là phân cấp quản lý của các Bộ, ngành Trung ương cho địa phương trên từng lĩnh vực cụ thể để tạo ra sự thay đổi cần thiết về phương thức hoạt động.

4. Đề xuất - định hướng và giải pháp về vai trò, chức năng, trách nhiệm của Chính phủ và chính quyền địa phương

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa VII, Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) và căn cứ vào thực trạng việc đánh giá những kết quả, những mặt tồn tại và nguyên nhân của tổ chức bộ máy hành chính, nên đòi hỏi việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp, điều chỉnh theo định hướng và giải pháp sau:

Tiến hành rà soát, làm thật rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương để loại bỏ những chồng chéo, trùng lặp giữa các cơ quan với nhau và có sự phân cấp rõ ràng, cụ thể hơn về thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cấp trong hệ thống chính trị.

- Việc xác định được đúng chức năng, nhiệm vụ là cơ sở quyết định để thiết lập tổ chức. Vì vậy, đây là vấn đề rất cơ bản và cấp thiết, nên cần phải tiến hành một cách khoa học, kiên quyết, chặt chẽ trong toàn bộ hệ thống hành chính. Nguyên tắc mỗi cơ quan, mỗi tổ chức, mỗi bộ phận hợp thành đều phải có chức năng, nhiệm vụ một cách đích thực, rõ ràng và đảm bảo có đủ thẩm quyền đi đôi với trách nhiệm để thực hiện đầy đủ các chức năng,

nhiệm vụ đó. Chỉ có trên cơ sở xác định được đúng và rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi cơ quan thì mới có thể khắc phục được sự chồng chéo, trùng lặp về nội dung, phạm vi, đối tượng quản lý của từng cơ quan, từng cấp hành chính mới được rõ ràng, rành mạch, cụ thể. Có như vậy mới tiến hành phân cấp và xác định được mối quan hệ phân công, phối hợp giữa các Bộ, ngành với nhau và giữa các Bộ, ngành với chính quyền địa phương. Từ đó, việc xem xét, đánh giá hiệu lực và hiệu quả hoạt động của mỗi cơ quan và toàn bộ hệ thống hành chính phải căn cứ vào kết quả thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đến đâu.

4.1 Về vai trò, chức năng mới của Chính phủ và cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong nền kinh tế thị trường

Cần tiếp tục có sự đổi mới căn bản hóa về vai trò, chức năng của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường của nước ta là:

- Nguyên tắc chung trong nền kinh tế thị trường không phải Chính phủ làm mọi việc và đa năng. Vấn đề đặt ra là trong hệ thống phân công xã hội có tính quy luật khách quan, cần xác định vai trò, chức năng của Chính phủ làm những gì và đến đâu để tạo lập bộ máy và nguồn lực làm tốt vai trò, chức năng đó.

Việc phân định vai trò, chức năng của Chính phủ theo các cấp độ sau:

+ *Một là*: Những việc nhất thiết Chính phủ phải làm và chỉ có Chính phủ làm.

+ *Hai là*: Những việc có cả Chính phủ và nhân dân, các tổ chức phi Chính phủ cùng làm.

+ *Ba là*: Những việc Chính phủ có thể có hoặc có thể không tham gia làm.

+ *Bốn là*: Những việc chỉ để cho nhân dân và các tổ chức phi Chính phủ tự làm.

- Tùy theo tình hình thực tế đòi hỏi để Chính phủ điều chỉnh về phạm vi, mức độ, liều lượng công việc tham gia khác nhau. Nhưng dù ở cấp độ nào thì vai trò, chức năng của Chính phủ trong chỉ đạo, điều hành thực hiện quản lý nhà nước đối với toàn xã hội. Đó là sự phân công xã hội có tính tất yếu để đảm bảo cho xã hội vận hành có trật tự và hiệu quả chung.

Từ đó, trong nền kinh tế thị trường, Chính phủ phải có sự thay đổi vai trò, chức năng của mình theo yêu cầu thực tế đòi hỏi theo nguyên tắc chung: "Sự can thiệp - điều tiết của Chính phủ không thể vượt quá giới hạn khách quan của nền kinh tế thị trường qui định", để đảm bảo cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Ở nước ta, Chính phủ với tư cách là người đứng ra lo toan và chịu trách nhiệm đối với những vấn đề chung nhất và cơ bản của toàn xã hội. Vì vậy, Chính phủ thực hiện vai trò, chức năng thống nhất quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Từ đó, cần thống nhất quan điểm chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Chính phủ, các Bộ quản lý vĩ mô đối với toàn xã hội và quản lý bằng pháp luật, chính sách và hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát.

Còn các cơ quan chính quyền địa phương là quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn hành chính, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thể chế, chính sách, chịu trách nhiệm trước Chính phủ về kết quả tổ chức thực hiện.

4.2 Giải pháp tiến hành rà soát và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Cần phải ấn định đúng chức năng, thẩm quyền của mỗi cơ quan ở mỗi cấp hành chính là gì và những chức năng cần điều chuyển từ cơ quan này sang cơ quan khác, cũng như các chức năng, thẩm quyền cần phân cấp, phân quyền của cơ quan hành chính cấp trên cho cơ quan hành chính cấp dưới thực hiện. Trên cơ sở đó để sắp xếp tinh giản các đơn vị trực thuộc, cắt bỏ những khâu trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, gây phiền hà và làm chậm trễ công việc, cản trở tiến trình đổi mới.

+ Vấn đề hết sức quan trọng của định hướng - giải pháp tiếp tục đổi mới bộ máy hành chính từ Trung ương đến địa phương là đặt trong tổng thể cải cách tổ chức, bộ máy của cả hệ thống chính trị, nhằm làm cho bộ máy được tinh giản, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả.

Việc xác định đúng và rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức cũng như việc điều chỉnh hợp lý chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan hiện nay có ý nghĩa trực tiếp làm cơ sở cho việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Chính phủ và bộ máy hành chính các cấp.

+ Định hướng - giải pháp rất cơ bản khi Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp chuyển sang thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, thì trong hệ thống phân công xã hội cần xác định rõ chức năng, công việc nhất thiết do bộ máy hành chính phải làm. Còn các chức năng, công việc khác để cho nhân dân và các tổ chức phi Chính phủ tự làm. Hoặc có chức năng, công việc có cả bộ máy hành chính và nhân dân, các tổ chức phi Chính phủ cùng làm.

Từ đó, thiết kế, điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính về nguyên tắc chỉ ứng với các chức năng, công việc mà bộ máy hành chính

phải làm. Như vậy, bộ máy hành chính sẽ tinh gọn và đích thực hơn, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả hơn.

Cần điều chỉnh tổ chức bộ máy Chính phủ theo hướng tập trung chức năng quản lý nhà nước của Chính phủ vào Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ để trên cơ sở đó chuyển dần chức năng quản lý nhà nước và thu gọn đầu mối các cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trực thuộc Thủ tướng đưa về các Bộ tương ứng. Khắc phục tình trạng Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình phải qua một cấp tổ chức trung gian không thuộc cơ cấu tổ chức của Chính phủ và người đứng đầu các cơ quan này không là thành viên Chính phủ.

II/ ĐÁNH GIÁ CƠ CẤU TỔ CHỨC CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Những kết quả cải cách cơ cấu tổ chức bộ máy Trung ương:

Sau 5 năm cải cách "đã tiến hành sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy của Chính phủ làm cho tinh giảm hơn trước và vận hành phát huy tác dụng, hiệu quả tốt hơn", được thể hiện ở việc sắp xếp, hợp nhất, giải thể các tổ chức cũ và thành lập tổ chức mới như sau:

1.1 Về sắp xếp, tinh giảm tổ chức cũ

- Nếu so với năm 1986, thì kết quả sắp xếp, điều chỉnh tổ chức như sau:

Tổ chức bộ máy Chính phủ từ 76 đầu mối, gồm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thì đến nay giảm xuống còn 48 đầu mối, gồm 17 Bộ, 6 cơ quan ngang Bộ và 25 cơ quan thuộc Chính phủ.

Tuy tổ chức bộ máy Chính phủ vẫn còn nhiều đầu mối, nhưng điều đáng nói là trong những năm cải cách hành chính theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương khóa VII, năm 1995 mở đầu đã tiến hành sắp xếp mạnh mẽ tổ chức bộ máy Chính phủ bằng cách hợp nhất 8 Bộ và Ủy ban thành 3 Bộ mới. Đó là:

Thành lập Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở hợp nhất Bộ Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Thủy lợi;

Thành lập Bộ Công nghiệp trên cơ sở hợp nhất Bộ Công nghiệp nặng, Bộ Công nghiệp nhẹ, Bộ Năng lượng;

Thành lập Bộ Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở hợp nhất Ủy ban Kế hoạch nhà nước, Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư.

Chỉ tính riêng kết quả của việc hợp nhất này đã giảm được 5 Bộ và cơ quan ngang Bộ; Đồng thời, tiến hành sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bên trong

của các Bộ hợp nhất, nên đã giảm được 38 tổ chức Vụ, Ban và tương đương. ở địa phương giảm được các Sở và tổ chức tương ứng với các Bộ, ngành Trung ương.

Năm 1999 tiếp tục sắp xếp lại một số Tổng cục tổ chức theo ngành dọc từ Trung ương đến địa phương. Đó là:

Giải thể Tổng cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và Tổng cục Đầu tư phát triển trực thuộc Bộ Tài chính để thành lập Cục Tài chính doanh nghiệp và Vụ Đầu tư thuộc Bộ Tài chính, thành lập Vụ Thanh toán vốn đầu tư thuộc Kho bạc Nhà nước ở Trung ương.

Kết quả sắp xếp lại tổ chức đã giảm được 2 Tổng cục quản lý theo ngành dọc trực thuộc Bộ Tài chính, giảm được 106 Cục tổ chức theo ngành dọc trực thuộc đặt ở địa phương và trên 10 Vụ, tổ chức tương đương của hai Tổng cục này.

1.2 Về thành lập tổ chức mới và nâng cấp tổ chức:

Đánh giá kết quả cải cách tổ chức, bộ máy hành chính không phải chỉ có sắp xếp, điều chỉnh giảm bớt đầu mối tổ chức, mà còn có việc thành lập mới và nâng cấp tổ chức do yêu cầu tình hình nhiệm vụ thực tế đòi hỏi. Tức là những tổ chức nào cần thiết phải giải thể, hợp nhất, sắp xếp lại thì phải kiên quyết, nhưng những tổ chức nào đòi hỏi phải có để đáp ứng yêu cầu công việc thì vẫn phải thành lập. Do đó, trong những năm cải cách hành chính đã thành lập mới và nâng cấp tổ chức những cơ quan sau:

- Thành lập Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Thành lập các tổ chức trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ như: Thành lập mới Tổng cục Dạy nghề trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thành lập Cục Thương binh, liệt sĩ và người có công trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Quản lý dược Việt Nam thuộc Bộ Y tế, Cục Quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm thuộc Bộ Y tế, Cục Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức Nhà nước trực thuộc Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Cục Bản quyền tác giả trực thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin, Cục Bảo tồn - Bảo tàng trực thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin, Cục Công nghệ tin học ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước, Cục Trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách trực thuộc Bộ Tư pháp.

+ Thành lập một số Vụ, Ban và tương đương, gồm có:

- 9 Vụ Pháp chế;
- 2 Vụ và 1 Ban Tài chính - Kế toán;

- Thành lập một số Vụ, Ban và tương đương khác.
- + Thành lập một số cơ quan sự nghiệp trực thuộc:
- Thành lập Học viện Ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước.
- Thành lập Viện nghiên cứu con người thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia
- Thành lập một số tổ chức sự nghiệp trực thuộc khác của các Bộ, ngành.
- + Thành lập một số Ban quản lý Khu công nghiệp tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Thành lập mới Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc - trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường - tại Quyết định số 10/2000/QĐ-TTg ngày 18/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nét khái quát nhất của việc cải cách tổ chức, bộ máy hành chính trong những năm qua là đã tiến hành sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương cho hợp lý hơn theo hướng tinh giảm để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Trong đó, đặc biệt là có kết luận quan trọng về: "tổ chức các Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trong phạm vi toàn xã hội".

Kết quả cải cách tổ chức bộ máy không chỉ có ý nghĩa giảm bớt được đầu mối tổ chức, mà còn quan trọng là khẳng định được tính đúng đắn của mô hình tổ chức mới qua thực tế vận hành đã phát huy vai trò, tác dụng trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

1.3 Những thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy Trung ương và ảnh hưởng của sự thay đổi

1.3.1. Đã có sự thay đổi đúng đắn về mô hình tổ chức Chính phủ, cơ cấu bên trong các Bộ, ngành là chuyển từ mô hình tổ chức các cơ quan quản lý nhà nước theo đơn ngành và chủ yếu đối với thành phần kinh tế nhà nước sang mô hình tổ chức Bộ quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực trong phạm vi cả nước, đối với toàn ngành, toàn lĩnh vực, bao quát các thành phần kinh tế.

Ảnh hưởng tích cực của sự thay đổi là làm thu gọn bớt đầu mối, tinh giản dần tổ chức bộ máy của hệ thống hành chính từ Trung ương.

1.3.2. Đã thay đổi dần việc xác định các ngành, lĩnh vực Trung ương cần quản lý tập trung, thống nhất theo ngành dọc với phân cấp cho địa

phương để tổ chức lại một số tổ chức theo ngành dọc thành tổ chức chỉ làm nhiệm vụ ở Trung ương.

Sự thay đổi này cũng ảnh hưởng tích cực đến thu gọn tổ chức bộ máy hành chính, phù hợp với tình hình thực tế.

1.3.3. Đã thay đổi dần cơ cấu bên trong của các Bộ, ngành Trung ương

+ Đối với cơ cấu của các Bộ, ngành Trung ương được định hình lại theo chức năng chỉ gồm có:

- Các tổ chức Vụ, Cục, Tổng cục (nếu có ở một số Bộ), Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước.

- Các tổ chức sự nghiệp: Viện nghiên cứu, Trường đào tạo, cơ sở y tế và một số loại tổ chức sự nghiệp khác làm chức năng phục vụ, dịch vụ công ở các lĩnh vực hoạt động sự nghiệp trực thuộc Bộ quản lý.

+ Có ảnh hưởng - tách động tích cực ở đây là đã tách các doanh nghiệp Nhà nước thuộc các Bộ, ngành ra khỏi cơ cấu của hệ thống hành chính Nhà nước. Sự thay đổi trên tạo tiền đề, cơ sở để tiếp tục thực hiện cải cách cơ cấu tổ chức cho những năm tới.

2. Vấn đề tồn tại, hạn chế của tổ chức, bộ máy Trung ương

2.1 Khái quát chung tổ chức bộ máy vẫn còn công kênh, nhiều đầu mối, nhiều tầng nấc, thiếu tính thống nhất và chưa hợp lý cả theo chiều dọc và chiều ngang

Từ đó ảnh hưởng của sự tồn tại này dẫn đến tình trạng vượt tầm kiểm soát của Chính phủ đối với các đầu mối và tình trạng đùn việc lên Chính phủ phải giải quyết làm ách tắc, chậm trễ xử lý công việc.

Thể hiện rõ nhất sự công kênh và chưa hợp lý của tổ chức, bộ máy là ở chỗ "cơ cấu tổ chức phụ" lấn át "cơ cấu tổ chức chính". Tức các cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan thuộc Thủ tướng có quá nhiều so với các Bộ và cơ quan ngang Bộ.

Thực tại sự mất cân đối giữa cơ cấu tổ chức của Chính phủ có 17 Bộ và 6 cơ quan ngang Bộ, nhưng lại có tới 25 cơ quan thuộc Chính phủ và trên 100 cơ quan thuộc Thủ tướng Chính phủ là điều chưa hợp lý.

+ Một điều dễ thấy và cần lưu ý là các cơ quan thuộc Chính phủ vừa nhiều về số lượng, vừa rất đa dạng về loại hình tổ chức và tên gọi, thiếu tính thống nhất.

Do vị trí các cơ quan thuộc Chính phủ trên đây vừa có loại hình tổ chức Tổng cục, vừa có loại hình tổ chức Cục, nên tuy gọi là Tổng cục hay Cục thì vẫn xếp hạng tổ chức là Tổng cục loại I như nhau và chức năng, thẩm quyền cũng tương tự nhau, chỉ khác nhau ở tên gọi một cách thiếu luận cứ. Hoặc là giữa loại hình tổ chức Tổng cục với các Ủy ban và các Ban cũng rất dễ lẫn lộn và chưa rõ vì sao gọi là Ủy ban hay các Ban cho có sức thuyết phục để đảm bảo tính thống nhất của nền hành chính nhà nước.

Có loại cơ quan như Bảo hiểm xã hội Việt Nam, xét về cơ sở pháp lý không xác định rõ vị trí nằm ở Chính phủ hay Thủ tướng Chính phủ, mô hình tổ chức lại có Hội đồng quản lý và Tổng Giám đốc.

+ Các cơ quan trực thuộc Thủ tướng Chính phủ cũng tương tự, vừa có quá nhiều, vừa rất đa dạng về loại hình tổ chức và tên gọi, nên rất khó phân biệt và có sự lẫn lộn với các cơ quan thuộc Chính phủ, nhất là các Ủy ban, các Ban trực thuộc Thủ tướng với các Ủy ban, các Ban thuộc Chính phủ.

Điều cần lưu ý ở đây là vừa có tình trạng lẫn lộn giữa loại hình tổ chức Vụ với Cục, vừa thiếu luận cứ để thành lập loại hình tổ chức Vụ với Cục hoặc Cục với Tổng cục. Tức căn cứ và lý do vì sao phải có loại hình tổ chức Vụ hay Cục hoặc Tổng cục trong cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đang là vấn đề đặt ra.

Tình trạng mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy vừa có Vụ, Cục trực thuộc Bộ, vừa có Vụ, Cục trực thuộc Tổng cục cùng nằm trong một Bộ, điển hình là Bộ Tài chính.

Hoặc cấu trúc bộ máy trong trung tâm lại có trung tâm, và trong viện nghiên cứu lại có viện nghiên cứu, tạo ra mô hình tổ chức nhiều tầng, không rõ ràng vị trí pháp lý và cũng không cần thiết, phức tạp, vận hành có nhiều nhược điểm, hạn chế.

+ Chưa phân biệt rõ cơ quan hành chính công quyền với đơn vị sự nghiệp cả về tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động và các tổ chức làm dịch vụ công, nên nhìn chung tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp làm vụ công về văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học về cơ bản chưa có sự thay đổi, vẫn nặng tính chất hành chính, ỷ lại, trông chờ vào kinh phí Nhà nước.

+ Đối với các cơ quan hành chính công quyền cũng chưa phân biệt được giữa các cơ quan hoạch định thể chế, chính sách với các cơ quan tổ chức thực hiện, nên có sự đồng nhất hoặc lẫn lộn chức năng làm giảm hiệu quả hoạt động. Cũng từ đó dẫn tới không mạnh dạn phân cấp quản lý của cơ quan hành chính cấp trên cho cấp dưới; hoặc phân công, ủy quyền thực hiện giữa cơ quan quản lý gián tiếp cho cơ quan quản lý trực tiếp đảm nhiệm.

+ Một số Bộ quản lý ngành có quá nhiều các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc một cách không rõ ràng về mặt pháp lý. Nhưng vấn đề này đã kéo các Bộ, ngành vào công việc quản lý các doanh nghiệp nhà nước không đúng với chức trách quản lý nhà nước của Bộ, nhưng vẫn chưa thể khắc phục được.

+ Trong cơ cấu tổ chức bộ máy của các Bộ còn quá nhiều tổ chức sự nghiệp trực thuộc như các Viện nghiên cứu, các Trường đào tạo, bồi dưỡng, các bệnh viện và tổ chức sự nghiệp khác. Chẳng hạn như Bộ Công nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mỗi Bộ có tới trên 40 Trường đào tạo các loại, trên chục Viện nghiên cứu.

+ Do có quá nhiều các trường đào tạo, các Viện nghiên cứu trực thuộc các Bộ, nên tạo ra *sự song trùng về chức năng quản lý và chỉ đạo* xử lý chuyên môn, nghiệp vụ giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với các Bộ chủ quản trong lĩnh vực quản lý các trường đào tạo và song trùng chức năng, nhiệm vụ quản lý giữa Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường với Bộ chủ quản trong lĩnh vực quản lý các Viện nghiên cứu khoa học.

+ Còn có tình trạng việc thiết kế tổ chức còn bất hợp lý ở chỗ tuy bộ máy rất giống nhau, mặc dù nhiệm vụ rất khác nhau. Hoặc ngược lại, nhiệm vụ của tổ chức rất giống nhau nhưng lại thiết kế bộ máy rất khác nhau. Đậm nét nhất là chưa lý giải được rõ vì sao và khi nào có loại hình tổ chức giữa Vụ với Cục hoặc Cục với Tổng cục.

Tình trạng và xu hướng muốn chuyển đổi loại hình tổ chức và nâng cấp tổ chức từ các cơ quan không có tư cách pháp nhân thành tổ chức có tư cách pháp nhân. Vụ muốn chuyển thành Cục, hoặc các Phòng muốn chuyển thành Trung tâm và Trung tâm lại muốn chuyển thành Cục; Cục lại muốn nâng cấp lên thành Tổng cục, tiếp đến Tổng cục muốn nâng cấp thành Bộ hoặc tách ra thành cơ quan độc lập trực thuộc Chính phủ.

Thực chất ở đây là muốn chuyển đổi thành tổ chức có nhiều thực quyền và để hoạt động độc lập, có tài khoản riêng, ngân sách riêng, có nhiều quyền tự quyết định. Gắn với chuyển đổi loại hình tổ chức là nâng cấp tổ chức để có vị trí, chức năng, thẩm quyền cao hơn và được hưởng các chế độ, chính sách nhiều hơn.

- Tồn tại, nhược điểm về tổ chức, bộ máy còn phải kể tới có một số cơ quan trên thực tế không xác định rõ được vị trí nằm ở đâu. Điển hình là các Ban quản lý các Khu công nghiệp ở các địa phương hiện nay. Vừa có sự chỉ đạo và quản lý của Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan chức năng ở Trung ương, vừa có sự chỉ đạo của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Vì vậy, về mặt công tác tổ chức hiện nay chưa xếp vào hệ thống tổ chức hành chính nào, trong điều kiện chưa có sự phân cấp quản lý về tổ chức, bộ máy, nhân sự và ngân sách.

2.2 Những tồn tại, vướng mắc đặt ra về tổ chức bộ máy hiện nay:

2.2.1 Thiếu tính thống nhất và chưa đủ luận cứ phân biệt loại hình tổ chức và tên gọi giữa các cơ quan:

+ Bộ với Ủy ban, Ban là cơ quan ngang Bộ. Tại sao Ủy ban và Ban không gọi là Bộ?

+ Ủy ban và Ban là cơ quan ngang Bộ với Ủy ban và Ban là cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban và Ban trực thuộc Thủ tướng Chính phủ.

+ Yêu cầu chung tên gọi phải thể hiện được 3 vấn đề:

- Vị trí của tổ chức.
- Chức năng và loại hình tổ chức.
- Nội dung hoạt động và đối tượng quản lý

2.2.2 Chưa đủ luận cứ để thành lập các cơ quan trực thuộc Chính phủ và trực thuộc Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, có quá nhiều số lượng và đang dạng về loại hình tổ chức, tên gọi tổ chức. Một số cơ quan không rõ ràng về vị trí ở đâu, như:

+ Các Ban quản lý khu công nghiệp không rõ vị trí thuộc hệ thống hành chính nào? trực thuộc Trung ương hay trực thuộc địa phương?

+ Cơ quan bảo hiểm xã hội Việt Nam qui định không rõ là cơ quan trực thuộc Chính phủ hay cơ quan giúp Thủ tướng Chính phủ.

+ Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa trực thuộc Bộ Quốc phòng, vừa trực thuộc Chính phủ và không rõ cơ sở pháp lý.

+ Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vừa trực thuộc Chính phủ, vừa trực thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng.

2.2.3 Chưa đủ luận cứ và chưa tổng kết thực tiễn việc tổ chức các cơ quan phối hợp liên ngành, cũng như chưa làm rõ những ưu thế và hạn chế của mô hình tổ chức giữa Bộ quản lý các chuyên ngành với Ủy ban phối hợp liên ngành để có sự lựa chọn mô hình tổ chức thích hợp.

+ Mô hình tổ chức Bộ quản lý các chuyên ngành có ưu thế là sự chỉ đạo, điều hành được chuyên sâu, tính thống nhất cao. Nhưng lại có hạn chế là biên chế nặng nề, kinh phí tốn kém và có xu hướng thiên về ngành dọc, hạn chế phối hợp.

+ Mô hình tổ chức Ủy ban phối hợp liên ngành có ưu thế lớn nhất là tăng cường được sự phối hợp giữa các Bộ, ngành có liên quan và địa phương. Nhưng lại hạn chế về khả năng chuyên sâu trong chỉ đạo, điều hành, nhất là về chuyên môn, nghiệp vụ và tính thống nhất giữa các ngành kém so với mô hình tổ chức Bộ chuyên ngành.

Vì vậy, vấn đề quan trọng là khi nào thì chọn mô hình tổ chức Ủy ban phối hợp liên ngành cho phù hợp? Đặc biệt là khi các Bộ chuyên ngành thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các chuyên ngành và tự phối hợp được với nhau đối với những vấn đề liên ngành thì không cần thành lập các Ủy ban phối hợp liên ngành nữa, mà có thể chuyển Ủy ban đó thành Bộ chuyên ngành hoặc giao các chức năng, nhiệm vụ phối hợp liên ngành đó về các Bộ tương ứng quản lý.

Tồn tại và nhược điểm này đã nhìn thấy lâu nay, nhưng vẫn chưa thể khắc phục được. Cho nên, những vấn đề chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan với nhau rất nan giải. Nhưng lại có những lĩnh vực chưa xác định rõ giao cho Bộ, ngành nào phải thực hiện, còn bỏ trống, lơ lửng, đan xen giữa các cơ quan. Trong điều kiện tổ chức, bộ máy Chính phủ còn công kênh, nhiều đầu mối, nhiều loại cơ quan có vị trí pháp lý khác nhau nhưng đều dưới sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, nên tự các cơ quan khó có thể giải quyết được với nhau về phạm vi và nội dung các đối tượng quản lý. Hơn nữa, giữa các Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ có mối quan hệ liên ngành tạo ra sự phân công và phối hợp với nhau rất phức tạp, cần có sự chủ động, sáng tạo giữa các Bộ, ngành với nhau.

3. Nguyên nhân

Nguyên nhân tồn tại, hạn chế về tổ chức, bộ máy có rất nhiều. Nhưng điều quan trọng và trực tiếp nhất là do các nguyên nhân sau:

+ **Một là:** Chưa có đủ cơ sở lý luận, khoa học về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trong điều kiện duy nhất một Đảng cầm quyền, chuyển sang kinh tế thị trường. Vì thế, thiếu nhất quán về sự sắp xếp, thay đổi, điều chỉnh tổ chức, bộ máy. Chưa lý giải được lý do vì sao tách, nhập, giải thể, lập tổ chức mới. Đã vậy lại thiếu sự tổng kết, rút kinh nghiệm một cách đầy đủ nghiêm túc để có kết luận xác đáng về thay đổi tổ chức bộ máy nên chủ trương và giải pháp thiếu thống nhất, chưa đồng bộ.

Thực ra, sản phẩm của tổ chức, bộ máy hiện nay tùy thuộc rất nhiều vào nhân tố chủ quan về kiến thức, kinh nghiệm, trách nhiệm của người làm công tác tổ chức. Chưa kể tới yếu tố tác động từ nhiều phía không đáng có để thành lập, sắp xếp tổ chức.

Ở đây có vấn đề là chưa thực sự đầu tư đi sâu nghiên cứu cơ sở lý luận và khoa học về tổ chức, bộ máy hành chính trong điều kiện nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, mở cửa hội nhập và thế giới chuyển đổi.

Tồn tại về tổ chức bộ máy gắn liền với biên chế tăng và nặng nề cũng có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là do cơ chế tài chính cấp theo số lượng biên chế. Cho nên các cơ quan đều tìm mọi cách xin thêm biên chế để có nhiều kinh phí hoạt động. Thực tế là cũng thiếu căn cứ để giao biên chế cho mỗi cơ quan, nên cách thức giao biên chế vẫn theo cơ chế "xin - cho", chưa đảm bảo được yêu cầu biên chế đúng và đủ về số lượng và cơ cấu cho mỗi cơ quan.

+ **Hai là:** Do thiếu một cách nhìn và chiến lược tổng thể về cải cách hành chính, nên vẫn chưa xây dựng và định hình được khung hệ thống tổ chức bộ máy hành chính nhà nước cần bao nhiêu cơ quan, gồm những Bộ, ngành nào để làm cơ sở cho việc sắp xếp, điều chỉnh, kiện toàn tổ chức bộ máy một cách căn bản.

+ **Ba là:** Do việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổ chức bộ máy còn phân tán, chia cắt, lỏng lẻo, tùy tiện, nhất là ở khâu cụ thể hóa việc chỉ đạo và cách làm triển khai tổ chức thực hiện chưa thống nhất, thiếu kiên quyết, thiếu trọng tâm, chưa dứt khoát, ngại khó khăn, phức tạp khi đụng chạm đến tổ chức và con người thuộc đối tượng sắp xếp, điều chỉnh.

+ **Bốn là:** Do còn thiếu nhiều thể chế về tổ chức bộ máy và thể chế vận hành; chưa có được những qui định cần thiết về tiêu chí, qui trình để thành lập tổ chức mới, sắp xếp, điều chỉnh, giải thể tổ chức cũ. Thiếu nhiều thể chế qui định chế độ trách nhiệm đối với tổ chức về người đứng đầu trong vận hành tổ chức bộ máy; chưa nói tới nhiều qui định đã có nhưng không còn phù hợp đối với công tác tổ chức, bộ máy hiện nay.

+ **Năm là:** Nguyên nhân là do chưa thực hiện thống nhất qui trình, qui chế thành lập tổ chức hoặc điều chỉnh, sắp xếp lại tổ chức. Nhiều trường hợp việc thành lập tổ chức chưa tập trung thống nhất đầu mối vào cơ quan chức năng của Chính phủ để thẩm định và quản lý sự biến động của toàn bộ hệ thống tổ chức bộ máy. Mà trên thực tế còn có nhiều Bộ, ngành khác trực tiếp trình thẳng lên Thủ tướng Chính phủ thông qua Văn phòng Chính phủ để quyết định việc thành lập tổ chức. Nhất là các tổ chức tư vấn, liên ngành, các Ban Chủ nhiệm chương trình v.v...

4. Đề xuất phương hướng - giải pháp về cải cách cơ cấu tổ chức bộ máy Trung ương

- Cải cách cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng cơ bản là làm cho tinh gọn, giảm bớt đầu mối các cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan trực thuộc Thủ tướng, các tổ chức thuộc bộ máy bên trong của các Bộ, ngành

Trung ương. Khắc phục sự công kênh và bất hợp lý về cơ cấu, nâng cao chất lượng hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, kiện toàn tổ chức nên hành chính theo hướng quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực bao quát các thành phần kinh tế, xã hội; cải cách phải bảo đảm cho bộ máy vừa giữ được sự ổn định cần thiết, vừa có sự đổi mới một cách căn bản trong thời kỳ mới.

Lý do: có nhiều cơ quan thuộc Chính phủ và sự cần thiết phải giảm bớt đầu mối các cơ quan này là vì trước đây việc thành lập cơ cấu tổ chức các cơ quan theo đơn ngành, đơn lĩnh vực để thực hiện chức năng quản lý trực tiếp, giải quyết các công việc cụ thể làm cho có quá nhiều các cơ quan thuộc Chính phủ, vượt tầm kiểm soát của Chính phủ, gây tắc nghẽn, chậm trễ giải quyết công việc. Nay mô hình tổ chức đó không còn phù hợp, nên chuyển sang mô hình tổ chức các cơ quan quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực, thực hiện chức năng quản lý gián tiếp thông qua thể chế, chính sách và các công cụ quản lý vĩ mô khác, đòi hỏi phải giảm bớt đáng kể đầu mối các cơ quan trực thuộc Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở đổi mới và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, các Bộ, ngành để sắp xếp lại tổ chức, bộ máy cho hợp lý; khắc phục tình trạng "cơ cấu phụ" lấn át "cơ cấu chính", nhằm tinh giản và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống tổ chức bộ máy hành chính.

4.1 Đối tượng cải cách cơ cấu tổ chức bộ máy Trung ương.

Bao gồm các loại cơ quan sau:

- Chính phủ:

- + Thủ tướng
- + Các Phó Thủ tướng
- + Các thành viên Chính phủ

- Các Bộ, ngành Trung ương:

- + Các Bộ, cơ quan ngang Bộ
- + Các cơ quan thuộc Chính phủ
- + Các cơ quan thuộc Thủ tướng Chính phủ.

- Chính quyền địa phương:

- + Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- + Cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

+ Cấp xã, phường, thị trấn

Theo qui định của Luật Tổ chức Chính phủ, cơ cấu tổ chức của Chính phủ chỉ gồm có các Bộ và cơ quan ngang Bộ - tức là cơ cấu tổ chức chính của Chính phủ. Nhưng hiện nay cơ cấu tổ chức phụ, gồm có các cơ quan trực thuộc Chính phủ và trực thuộc Thủ tướng Chính phủ lại quá nhiều. Do đó phải điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức cho hợp lý.

4.2 Hướng sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu tổ chức

Hướng điều chỉnh cơ cấu tổ chức là tinh giản hợp lý tối đa các cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan trực thuộc Thủ tướng Chính phủ cho phù hợp với sự điều chỉnh chức năng nhằm tăng cường vai trò chức trách của các Bộ và mối quan hệ phối hợp giữa các Bộ, ngành với nhau. Từ đó:

- Đối với các cơ quan trực thuộc Chính phủ:

+ Những cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước mà liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành nào thì đưa về Bộ, ngành đó quản lý.

Khi đưa về Bộ thì thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ đó, nếu cần thiết thì sắp xếp lại tổ chức, bộ máy cho hợp lý.

+ Những cơ quan đang chịu sự quản lý nhà nước của một Bộ khác thì có thể đưa về trực thuộc Bộ đó quản lý trực tiếp để thống nhất thực hiện chức năng quản lý nhà nước với các hoạt động sự nghiệp.

+ Hợp nhất một số cơ quan có chức năng, nhiệm vụ giống nhau, gần nhau, có liên quan đến nhau thành một tổ chức hoặc nâng cấp lên thành Bộ nếu thấy cần thiết và đủ điều kiện.

+ Đối với cơ quan nào mà xét thấy thực sự có vai trò, chức năng quan trọng, nếu đủ điều kiện thì nâng cấp lên thành Bộ.

+ Chỉ để lại một số rất ít các cơ quan trực thuộc Chính phủ mà xét thấy chưa thể đưa vào Bộ nào quản lý là thích hợp và có hiệu quả được.

- Đối với các cơ quan trực thuộc Thủ tướng:

Thực hiện tinh giản hợp lý tối đa các cơ quan tư vấn, liên ngành giúp việc Thủ tướng theo hướng sau:

+ Đối với các tổ chức liên ngành có chức năng chính làm tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ để giải quyết những vấn đề có liên quan đến nhiều Bộ, ngành và đòi hỏi sự phối hợp liên ngành thì xử lý theo nguyên tắc

chung: không có bộ máy và biên chế riêng, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và có thời hạn.

+ Đối với các Ban Chủ nhiệm các chương trình quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập như Ban Chủ nhiệm chương trình kinh tế, kỹ thuật, công nghệ, tự động hóa, mục tiêu quốc gia về việc làm v.v... thì không đặt đầu mối trực thuộc Thủ tướng, mà giao cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ làm chủ nhiệm chương trình có Văn phòng giúp việc đặt tại Bộ, ngành chủ trì.

+ Đối với các tổ chức chuyên trách có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ về một lĩnh vực công tác độc lập nhất định thì xử lý theo hướng sau:

- Những tổ chức có nhiệm vụ gắn với chức năng quản lý Nhà nước của Bộ nào thì đưa tổ chức đó về Bộ tương ứng quản lý.

- Những tổ chức làm chức năng tham mưu, tư vấn, đề xuất trực tiếp cho Thủ tướng Chính phủ, không có chức năng chỉ đạo, điều hành thì không thành cơ quan độc lập mà nằm trong Văn phòng Chính phủ. Biên chế tính trong tổng số biên chế của Văn phòng Chính phủ.

+ Những tổ chức nào đã hết chức năng, nhiệm vụ hoặc xét thấy không còn cần thiết nữa thì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giải thể.

- Đối với các cơ quan tổ chức và quản lý theo ngành dọc:

+ Tiến hành rà soát và xác định lại các cơ quan được tổ chức và quản lý theo ngành dọc xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương theo yêu cầu phân cấp và nguyên tắc những ngành nào, lĩnh vực nào thật cần thiết phải quản lý tập trung thống nhất ở Trung ương, không phân cấp cho địa phương, thì mới tổ chức và quản lý theo ngành dọc.

+ Hướng chung, cần giảm bớt số lượng các cơ quan tổ chức theo ngành dọc và nghiên cứu để áp dụng mô hình tổ chức theo ngành dọc cho thích hợp và gọn nhẹ, không nhất thiết theo đơn vị hành chính các cấp, mà có thể chuyển sang tổ chức các cơ quan ngành dọc theo khu vực, nhất là ở các thành phố, đô thị để giảm bớt đầu mối, biên chế và nâng cao hiệu quả quản lý.

- Đối với cơ cấu tổ chức, bộ máy bên trong của các Bộ, ngành Trung ương:

+ Xác định lại đầu mối tổ chức và loại hình tổ chức trực thuộc các Bộ, ngành Trung ương theo hướng tinh giản, hợp lý, dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ chung của các Bộ, ngành và những lĩnh vực sau khi đã phân cấp quản lý cho địa phương.

+ Về cơ bản cơ cấu của các Bộ, ngành chỉ bao gồm các tổ chức giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước là các tổ chức: Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng. Rất hiếm hoi mới có loại hình tổ chức Tổng cục trực thuộc khi xác định có đối tượng quản lý nhà nước chuyên ngành trên phạm vi cả nước và đảm bảo các tiêu chuẩn theo qui định chung.

Trong cơ cấu tổ chức của các Bộ, ngành có một số tổ chức sự nghiệp cần thiết như: cơ quan nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức sự nghiệp khác nhưng không nhiều, phù hợp với vị trí, chức năng, nhiệm vụ của mỗi Bộ, ngành.

** Về ảnh hưởng:*

- Nếu đề xuất này được thực hiện sẽ có ảnh hưởng, tác dụng tích cực đến không chỉ làm gọn đầu mối tổ chức, mà còn khắc phục được nhiều sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền giữa các cơ quan. Sự vận hành của bộ máy hành chính Nhà nước sẽ tốt hơn, đem lại hiệu lực và hiệu quả hoạt động cao của toàn bộ hệ thống hành chính Nhà nước và mỗi cơ quan; biên chế nhà nước sẽ tinh giảm nhiều và chất lượng cán bộ, công chức buộc phải nâng cao theo yêu cầu mới.

III/ ĐÁNH GIÁ CƠ CẤU TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG:

1. Về kết quả cải cách cơ cấu chính quyền địa phương các cấp.

Tổ chức chính quyền địa phương gồm 3 cấp:

- + Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- + Cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
- + Cấp xã, phường, thị trấn

Mỗi cấp chính quyền đều có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 và Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước của Ủy ban nhân dân mỗi cấp được thành lập các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tương ứng.

- Trong những năm cải cách cơ cấu chính quyền địa phương đã có sự sắp xếp, điều chỉnh lại một bước các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tương ứng với sự sắp xếp, điều chỉnh lại các Bộ, ngành ở Trung ương

theo yêu cầu tinh giản, thu gọn bớt đầu mối, nâng cao chất lượng và hiệu lực quản lý Nhà nước.

Bước sắp xếp, điều chỉnh lại các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân mạnh nhất là hợp nhất Sở Nông nghiệp, Sở Lâm nghiệp, Sở Thủy lợi thành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện nay. Sự hợp nhất này đã giảm bớt được một số Sở/ Phòng ở cấp tỉnh và cấp huyện. Cấp tỉnh trước đây bình quân mỗi tỉnh có từ 38 - 40 các Sở, Ban, tương đương, thì nay giảm xuống còn từ 20 - 24 đầu mối. Trong đó, thành phố trực thuộc Trung ương có đầu mối nhiều nhất là 27 Sở, Ban, Thanh tra, Văn phòng và tương đương; tỉnh có số đầu mối ít nhất là 17 Sở, Ban, Thanh tra, Văn phòng và tương đương. Cấp huyện trước đây có từ 20 - 25 đầu mối, thì nay giảm xuống còn khoảng 10 - 15 Phòng, Ban, Văn phòng và tương đương. Cấp xã: nói chung tổ chức, bộ máy đã có sự sắp xếp lại cho phù hợp hơn với đặc điểm, tính chất công tác của chính quyền cơ sở.

- Kết quả cải cách cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền địa phương đã tạo sự chuyển đổi tích cực và đúng hướng là "tổ chức các Sở/Ban ở cấp tỉnh và các Phòng/Ban ở cấp huyện theo mô hình quản lý nhà nước đa ngành/đa lĩnh vực trên địa bàn hành chính địa phương".

Ảnh hưởng - tác động tích cực của kết quả cải cách và chuyển đổi cơ cấu tổ chức chính quyền địa phương là làm cho bộ máy giảm bớt công kênh, cắt bỏ được một số khâu trung gian, bộ phận không cần thiết và vận hành tốt hơn trước đây. Kết quả của việc cải cách cơ cấu tổ chức cũng làm hạn chế được một số việc chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan với nhau trong cùng một cấp chính quyền.

2. Những tồn tại, hạn chế của tổ chức bộ máy chính quyền địa phương

+ Có nhiều tồn tại, hạn chế về tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương trên nhiều mặt và có nhiều vấn đề đặt ra, như: vẫn chưa làm rõ được Hội đồng nhân dân các cấp cũng như chính quyền địa phương có thuộc hệ thống hành chính nhà nước không? chưa kết luận được mô hình tổ chức chính quyền địa phương bao nhiêu cấp là hợp lý; Mô hình tổ chức chính quyền ở đô thị giúp chính quyền ở nông thôn như hiện nay là chưa hợp lý; chưa phân biệt được giữa nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước ở đô thị với nông thôn; chính quyền cấp huyện và cấp quận, phường ở đô thị có nhất thiết phải là cấp chính quyền hoàn chỉnh không? hay là cấp chính quyền trung gian chỉ cần có Ủy ban nhân dân là được?.

+ Đầu mối tổ chức các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân các cấp cũng còn nhiều và nặng nề. Việc thiết kế tổ chức còn dập khuôn và tương ứng với các Bộ, ngành của Trung ương. Tức ở Trung ương có Bộ, ngành nào thì ở địa phương cũng có các cơ quan chuyên môn đó tương ứng.

Số lượng, tên gọi của các cơ quan chuyên môn của mỗi địa phương cũng đập khuôn giống nhau, mặc dù đặc điểm, tính chất, yêu cầu nhiệm vụ quản lý ở mỗi địa phương có sự khác nhau.

3. Nguyên nhân

1/ Những tồn tại, hạn chế về cơ cấu tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương có những nguyên nhân cơ bản chung như nguyên nhân về cơ cấu tổ chức bộ máy Trung ương mà điều chủ yếu là do cách thức cơ cấu tổ chức đập khuôn ở Trung ương có Bộ, ngành nào thì ở địa phương có các tổ chức Sở, phòng đó tương ứng. Song, ở đây còn liên quan tới nguyên nhân chưa kiện toàn được đồng bộ về hệ thống tổ chức các cơ quan Đảng, từ tỉnh ủy, huyện ủy đến Đảng ủy cấp xã cũng như cách quan niệm và phân định về loại cơ quan quyền lực của Hội đồng nhân dân với chức năng hành pháp của chính quyền địa phương trong việc tổ chức thực hiện pháp luật. Sự tách bạch một cách hình thức giữa Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương với vai trò, chức năng, tính chất của chính quyền địa phương, làm lẫn lộn giữa vai trò, chức năng quyền lực nhà nước với chức năng lập pháp, lập qui của cơ cấu Trung ương.

2/ Do các Bộ, ngành Trung ương đều muốn có tổ chức ngành dọc của mình ở địa phương, nên tìm cách áp đặt để Bộ, ngành nào cũng có tổ chức chân rết nằm trong cơ cấu các cơ quan chuyên môn của chính quyền địa phương. Từ đó đã trở thành nguyên nhân ảnh hưởng tới cơ cấu tổ chức của chính quyền địa phương, nặng nề, chưa phù hợp với nhiệm vụ thực tế đòi hỏi.

4. Đề xuất phương hướng - giải pháp cải cách về tổ chức chính quyền địa phương

4.1 Cần cải cách một bước căn bản tổ chức bộ máy chính quyền địa phương cho phù hợp với thực tế theo hướng:

- Với tính cách là các cấp hành chính trong hệ thống hành chính Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, cơ sở, từ đó cần quan niệm thống nhất và xác định về mặt pháp lý chính quyền địa phương các cấp thuộc hệ thống hành pháp, hành chính nhà nước, bao gồm cả Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Từ đó, thiết kế lại tổ chức bộ máy chính quyền địa phương, gồm 2 loại:

+ "Cấp chính quyền hoàn chỉnh" thành lập ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp thị xã, thành phố thuộc tỉnh, cấp xã, thị trấn thuộc huyện. "Hoàn chỉnh" theo nghĩa cấp chính quyền gồm có cả Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân - với tính cách là một cấp chính quyền hành chính

địa phương; trong đó Hội đồng nhân dân là cơ quan dân cử, có chức năng thẩm quyền theo luật định, còn Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân và là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, có chức năng, thẩm quyền theo luật định.

+ "Cấp chính quyền không hoàn chỉnh" thành lập ở cấp huyện và cấp quận, phường ở đô thị "không hoàn chỉnh" theo nghĩa cấp chính quyền chỉ có Ủy ban nhân dân làm chức năng của cơ quan hành chính Nhà nước, không có Hội đồng nhân dân cùng cấp tương ứng.

Cơ sở ở đây là cấp huyện ngày nay có nhiệm vụ khác trước, nhiều lĩnh vực hoạt động ở huyện do cấp tỉnh quyết định. Đối với cấp quận, phường vì đều nằm trong cơ cấu chính quyền đô thị, mà nhiệm vụ quản lý các vấn đề đô thị đòi hỏi tính tập trung, thống nhất, không thể giới hạn phạm vi theo địa giới hành chính quận, phường. Nên chỉ cần có cơ quan quản lý hành chính Nhà nước là phù hợp với thực tế.

- Xây dựng và ấn định thống nhất khung tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc chính quyền địa phương các cấp, phù hợp với chính quyền ở đô thị và nông thôn, không dập khuôn, máy móc giống nhau như hiện nay.

- Cần chế định lại một cách đích thực, rõ ràng chính quyền cấp xã cho thực chất là một cấp chính quyền cơ sở, đảm bảo có đủ quyền lực và hiệu lực của cơ quan hành chính Nhà nước.

4.2 Hướng điều chỉnh các cơ quan chuyên môn ở địa phương

- Cấp tỉnh:

+ Sắp xếp, điều chỉnh các Sở/Ban chuyên môn của các thành phố trực thuộc Trung ương theo mô hình tổ chức, bộ máy hành chính đô thị cho thích hợp với vị trí, tính chất, đặc điểm và qui mô của mỗi thành phố.

+ Điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức các Sở/Ban của các tỉnh theo mô hình tổ chức bộ máy quản lý hành chính ở nông thôn. Trong đó có tính đến tính chất, đặc điểm riêng biệt của các tỉnh miền núi, hải đảo, biên giới, vùng sâu, vùng xa của mỗi tỉnh.

- Cấp huyện:

+ Điều chỉnh lại tổ chức bộ máy các Phòng/Ban chuyên môn của Quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo mô hình tổ chức, bộ máy hành chính đô thị, đảm bảo tính thống nhất không cắt khúc các đối tượng quản lý một cách thiếu thực tế.

+ Điều chỉnh lại tổ chức bộ máy các Phòng/Ban hành chính nông thôn. Trong đó cũng tính đến tính chất, đặc điểm riêng biệt của các huyện biên

giới, hải đảo, không rập khuôn theo cơ cấu tổ chức của các huyện trong đất liền và vùng đồng bằng, ven đô.

- *Cấp xã:*

+ Tính lại các Ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn nằm trong mối quan hệ xử lý liên ngành các vấn đề đô thị của cấp quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

+ Điều chỉnh lại các Ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân xã cho phù hợp với tính chất hoạt động tự quản của cộng đồng.

PHỤ LỤC
SỐ LIỆU TÌNH HÌNH CÁC TỔ CHỨC BỘ MÁY
HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1- Tổng hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ và đầu mỗi tổ chức giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước

Thời điểm 1999

SỐ T T	TÊN CƠ QUAN	ĐẦU MỖI TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC THUỘC			
		Tổng số đầu mỗi	Trong đó		
			Vụ và tương đương	Cục và tương đương	Tổng cục và tương đương
1	Bộ Tư pháp	12	11	1	0
2	Bộ Ngoại giao	21	19	2	0
3	Bộ Kế hoạch - Đầu tư	22	22	0	0
4	Bộ Công nghiệp	10	7	3	0
5	Bộ Nông nghiệp và PTNT	18	9	9	0
6	Bộ Thủy sản	9	8	1	0
7	Bộ Thương mại	18	16	2	0
8	Bộ Xây dựng	11	9	2	
9	Bộ Giao thông - Vận tải	13	8	5	0
10	Bộ Lao động TB & XH	16	13	2	1
11	Bộ Văn hóa - Thông tin	20	14	6	0
12	Bộ Giáo dục và Đào tạo	17	17	0	0
13	Bộ Y tế	12	12	0	0
14	Văn phòng Chính phủ	19	17	2	0
15	Ban TCCB Chính phủ	10	8	2	0
16	Ngân hàng Nhà nước	16	15	1	0
17	Thanh tra Nhà nước	7	7	0	0
18	Ủy ban Dân tộc và Miền núi	5	5	0	0
19	Bộ Tài chính	19	14	1	2
20	Bộ Khoa học CN & MT	10	7	2	1
21	Bộ Quốc phòng	12	2	4	6
22	Bộ Công an	15	4	4	7
23	Ủy ban Thể dục Thể thao	9	9	0	0
Σ	Kể cả 2 Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng	321	253	49	17
	Không kể 2 Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng	294	247	41	4

**2- Tổng hợp các cơ quan thuộc Chính phủ và đầu mối tổ chức giúp
thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ**

Thời điểm 1999

SỐ T T	TÊN CƠ QUAN	ĐẦU MỐI TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC THUỘC			
		Tổng số đầu mối	Trong đó		
			Vụ và tương đương	Cục và tương đương	Ghi chú
1	Tổng cục Bưu điện	9	6	3	
2	Tổng cục Khí tượng Thủy văn	7	6	1	
3	Tổng cục Hải quan	36	6	30	
4	Tổng cục Thống kê	74	13	61	
5	Tổng cục Du lịch	6	6	0	
6	Ban Cơ yếu Chính phủ	7	5	2	
7	Ban Biên giới Chính phủ	4	4	0	
8	Ban Tôn giáo Chính phủ	6	6	0	
9	Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc Trẻ em Việt nam	4	4	0	
10	Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia	5	5	0	- Tổ chức sự nghiệp khoa học
11	Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia	6	6	0	- Tổ chức sự nghiệp khoa học
12	Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	20	20	0	- Tổ chức sự nghiệp đào tạo
13	Học Viện Hành chính QG	10	10	0	- Tổ chức sự nghiệp đào tạo
14	Thông tấn xã Việt nam	12	12	0	- Tổ chức sự nghiệp báo viết
15	Đài Truyền hình Việt nam	7	7	0	- Tổ chức sự nghiệp báo hình
16	Đài Tiếng nói Việt nam	15	15	0	- Tổ chức sự nghiệp nói
17	Bảo hiểm xã hội Việt nam	68	7	61	- Tổ chức sự nghiệp xã hội
18	Kiểm toán Nhà nước	8	5	3	
19	Tổng cục Địa chính	7	7	0	
20	Ban Vật giá Chính phủ	6	6	0	
21	Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	7	7	0	
22	Cục Dự trữ Quốc gia	7	7	0	
23	Cục Hàng không Dân dụng Việt nam	13	10	3	
24	Ủy ban Chứng khoán Nhà	7	7	0	

25	nước Ban Quản lý Lăng CTHCM	1	1 (VP)		
Σ	25	363	195	164	4

3- Tổng hợp đầu mối tổ chức trực thuộc Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh

Tính đến 30/3/1999

TT	Tên địa phương	Đầu mối trực thuộc			
		Tổng số	Sở	Ban và tương đương	Ghi chú
1.	Thành phố Hà Nội	27	16	11	
2.	Thành phố Hồ Chí Minh	26	16	10	
3.	Thành phố Hải Phòng	27	16	11	
4.	Thành phố Đà Nẵng	23	16	7	
5.	Lạng Sơn	20	15	5	
6.	Cao Bằng	23	15	8	
7.	Lào Cai	21	14	7	
8.	Yên Bái	22	15	7	
9.	Hà Giang	21	14	7	
10.	Tuyên Quang	21	14	7	
11.	Sơn La	21	14	7	
12.	Lai Châu	21	15	6	
13.	Bắc Kạn	17	13	4	
14.	Thái Nguyên	20	15	5	
15.	Vĩnh Phúc	20	14	6	
16.	Phú Thọ	20	14	6	
17.	Bắc Giang	23	15	8	
18.	Bắc Ninh	21	15	6	
19.	Quảng Ninh	23	17	6	
20.	Hòa Bình	22	15	7	
21.	Hà Tây	22	16	6	
22.	Hải Dương	21	15	6	
23.	Hưng Yên	21	15	6	

24.	Thái Bình	21	15	6	
25.	Nam Định	22	16	6	
26.	Hà Nam	20	15	5	
27.	Ninh Bình	22	16	6	
28.	Thanh Hóa	25	17	8	
29.	Nghệ An	25	17	8	
30.	Hà Tĩnh	24	16	8	
31.	Quảng Bình	23	16	7	
32.	Quảng Trị	24	16	8	
33.	Thừa Thiên Huế	25	17	8	
34.	Quảng Nam	23	16	7	
35.	Quảng Ngãi	25	16	9	
36.	Bình Định	24	16	8	
37.	Phú Yên	24	16	8	
38.	Khánh Hòa	23	17	6	
39.	Ninh Thuận	24	16	8	
40.	Bình Thuận	24	16	8	
41.	Gia Lai	23	15	8	
42.	Kon Tum	22	15	7	
43.	Đắk Lắk	23	15	8	
44.	Lâm Đồng	24	16	8	
45.	Bình Dương	22	15	7	
46.	Bình Phước	21	15	6	
47.	Tây Ninh	22	15	7	
48.	Đồng Nai	22	15	7	
49.	Long An	22	15	7	
50.	Đồng Tháp	22	15	7	
51.	An Giang	21	15	6	
52.	Tiền Giang	22	16	6	
53.	Bến Tre	22	16	6	
54.	Vĩnh Long	22	15	7	
55.	Trà Vinh	24	16	8	

56.	Cần Thơ	23	16	7	
57.	Sóc Trăng	23	16	7	
58.	Kiên Giang	24	16	8	
59.	Cà Mau	22	16	6	
60.	Bạc Liêu	20	15	5	
61.	Bà Rịa - Vũng tàu	25	17	8	

Tổng hợp chung:

- Tổng số có: 1372 các Sở, Ban và tương đương.

Trong đó:

+ Có 943 Sở

+ Có 429 Ban và tương đương

- Thành phố Hà Nội và thành phố Hải Phòng có đầu mối tổ chức nhiều nhất là 27 Sở, Ban và tương đương.

- Tổng số có đầu mối tổ chức ít nhất là Bắc Kạn có 17 Sở, Ban và tương đương.

4- Tổng hợp các tổ chức liên ngành đang tồn tại do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập từ năm 1977 đến 1999

a/ Ban Chỉ đạo, Ban Chủ nhiệm các chương trình

TT	Tên tổ chức	Quyết định thành lập
1.	Ban Chỉ đạo Nhà nước về chương trình đánh bắt hải sản xa bờ (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Thủy sản</i>)	274/TTg, 28/4/1997
2.	Ban Chủ nhiệm chương trình Quốc gia về tự động hóa ^(*) (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Công nghiệp</i>)	444/TTg, 20/6/1997
3.	Ban Chỉ đạo Nhà nước về chương trình khí - điện - đạm (<i>Cơ quan chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>)	555/TTg, 11/7/1997
4.	Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa (<i>Cơ quan thường trực: Ủy ban Dân tộc và Miền núi</i>)	13/1998/QĐ-TTg, 23/01/1998
5.	Ban Chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo ^(*) (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</i>)	80/1998/QĐ-TTg, 9/4/1998
6.	Ban Chủ nhiệm chương trình kỹ thuật - kinh tế về công nghệ vật liệu ^(*) (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Công nghiệp</i>)	102/1998/QĐ-TTg, 2/6/1998
7.	Ban Chỉ đạo chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm ^(*) (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Công an</i>)	138/1998/QĐ-TTg, 31/7/1998
8.	Ban Chủ nhiệm chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm ^(*) (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</i>)	169/1998/QĐ-TTg, 8/9/1998
9.	Ban Chủ nhiệm chương trình kỹ thuật - kinh tế về công nghệ sinh học ^(*) (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>)	02/1999/QĐ-TTg, 8/01/1999
10.	Ban Chủ nhiệm chương trình kỹ thuật kinh tế về công nghệ thông tin (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường</i>)	123/1999/QĐ-TTg ngày 11/5/1999

b/ Hội đồng (xét tặng, thẩm định, nghiệm thu)

TT	Tên tổ chức	Quyết định thành lập
11.	Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương	NĐ 61/HĐBT,

12.	Hội đồng Xét tặng Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Y tế</i>)	16/6/1983 39/CT, 14/2/1987
13.	Hội đồng Xét tặng Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>)	341/CT, 9/12/1987
14.	Hội đồng nghiệm thu cấp Nhà nước công trình thu gom và vận chuyển khí Bạch Hổ - Thủ Đức (<i>Cơ quan thường trực: Tổng công ty Dầu khí Việt Nam</i>)	342/TTg, 04/7/1994
15.	Hội đồng Học hàm Nhà nước ^(*) ^(**) (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>)	NĐ 21/CP, 4/3/1995
16.	Hội đồng khoa học cấp Nhà nước về an toàn công trình thủy điện Hòa Bình (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường</i>)	607/TTg, 27/9/1995
17.	Hội đồng thẩm định Nhà nước về các dự án đầu tư (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>)	784/TTg, 02/12/1995
18.	Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản ^(*) ^(**) (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường</i>)	181/TTg, 26/3/1997
19.	Hội đồng thẩm định và đánh giá kế hoạch mỏ Lan tây - Lan đỏ (<i>Cơ quan thường trực: Tổng công ty Dầu khí Việt Nam</i>)	278/1998/QĐ- TTg, 10/4/1998
20.	Hội đồng thẩm định Nhà nước về các dự án thủy điện Sơn La (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Công nghiệp</i>)	688/QĐ-TTg, 7/8/1998

c/ Ban Chỉ đạo thực hiện các công trình, dự án

TT	Tên tổ chức	Quyết định thành lập
21.	Ban Chỉ đạo công trình sớm đưa khí vào bờ của Hệ thống thu gom và vận chuyển khí Bạch Hổ - Thủ Đức (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Xây dựng, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam</i>)	238/TTg, 22/5/1993
22.	Ban Chỉ đạo Trung ương dự án khôi phục hệ thống thủy lợi và chống lũ (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>)	153/TTg, 04/4/1994

23.	Ban Chỉ đạo xây dựng cơ sở vật chất thành lập Đại học quốc gia Hà Nội (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND thành phố Hà Nội</i>)	417/TTg, 10/8/1994
24.	Ban Chỉ đạo Nhà nước về công trình xa lộ Bắc - Nam (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Giao thông - Vận tải</i>)	195/TTg, 01/4/1997
25.	Ban Chỉ đạo Nhà nước (dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi) (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Xây dựng, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam</i>)	749/TTg, 11/9/1997
26.	Ban Chỉ đạo thực hiện dự án xây dựng khu di tích lịch sử Trung ương cục miền Nam	987/1997/QĐ- TTg, 21/11/1997
27.	Ban Chỉ đạo Nhà nước dự án trồng 5 triệu ha rừng giai đoạn 1998-2010 (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>)	07/1998/QĐ-TTg, 16/01/1998
28.	Ban Chỉ đạo thực hiện dự án đầu tư xây dựng Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Văn hóa - Thông tin</i>)	135/QĐ-TTg, 03/3/1998
29.	Ban Chỉ đạo Chiến lược dự án quản lý tài nguyên nước lưu vực sông Hồng (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>)	62/1998/QĐ-TTg, 13/3/1998
30.	Ban Chỉ đạo thực hiện nhà ga T1 (<i>Cơ quan thường trực: Cục Hàng không dân dụng Việt Nam</i>)	1137/QĐ-TTg, 21/12/1998

d/ Tổ tư vấn, soạn thảo đề án

TT	Tên tổ chức	Quyết định thành lập
31.	Ban Chỉ đạo nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách thuế (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Tài chính</i>)	152/TTg, 11/3/1995
32.	Hội đồng chỉ đạo biên soạn "lịch sử kháng chiến chống Pháp của quân và dân khu tả ngạn sông Hồng"	309/TTg, 16/4/1998
33.	Tổ nghiên cứu về kinh tế đối ngoại (<i>đặt tại Văn phòng Chính phủ</i>)	87/1998/QĐ-TTg, 27/4/1998
34.	Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ (<i>đặt tại Văn phòng Chính phủ</i>)	473/QĐ-TTg, 30/5/1998

35.	Hội đồng tư vấn đặc xá Trung ương	108/1998/QĐ-TTg, 20/6/1998
36.	Tổ công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hải quan (<i>Cơ quan thường trực: Tổng cục Hải quan</i>)	670/1998/QĐ-TTg, 30/7/1998
37.	Tổ chuyên gia liên ngành xây dựng đề án đổi mới cơ chế tín dụng đầu tư của Nhà nước (<i>Cơ quan thường trực: Văn phòng Chính phủ</i>)	26/1999/QĐ-TTg, 22/2/1999
38.	Ban Chỉ đạo xây dựng "tầm nhìn đến năm 2020" (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường</i>)	27/1999/QĐ-TTg, 23/2/1999
39.	Ban đánh giá quốc gia chương trình giáo dục cho mọi người ở Việt Nam thập kỷ 1990-2000 (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>)	75/1999/QĐ-TTg, 21/3/1999
40.	Tổ Nghiên cứu cơ chế chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa	133/1999/QĐ-TTg, 31/5/1999
41.	Hội đồng Tư vấn chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia (<i>Cơ quan thường trực: Văn phòng Chính phủ</i>)	200/1999/QĐ-TTg, 06/10/1999
42.	Tổ Công tác tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam (<i>Cơ quan thường trực: Cục Hàng không dân dụng Việt Nam</i>)	971/QĐ-TTg, 14/10/1999

e/ Ban Chỉ đạo điều hành, phối hợp ...

TT	Tên tổ chức	Quyết định thành lập
43.	Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Ngoại giao</i>)	251/TTg, 15/6/1977
44.	Ủy ban sông Mê Công của Việt Nam (*) (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>)	237/CP, 18/9/1978
45.	Ủy ban 10-80 (**) (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Y tế</i>)	288/TTg, 15/10/1980
46.	Tiểu ban CCOP của Việt Nam (*) (<i>Cơ quan thường trực: Ban Biên giới của Chính phủ</i>)	24/CP, 28/1/1989
47.	Ủy ban quốc gia chống nạn mù chữ (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>)	173/HĐBT, 27/9/1989

48.	Ủy ban quốc gia phòng chống bệnh SIDA của Việt Nam ^(*) ^(**) (Cơ quan thường trực: Bộ Y tế)	358/CT, 06/10/1990
49.	Ủy ban quốc gia của Việt Nam về thập kỷ quốc tế giảm nhẹ thiên tai ^(**) (Cơ quan thường trực: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	11/CT, 07/01/1991
50.	Ban Chỉ đạo tổng thanh toán nợ Trung ương (Cơ quan thường trực: Ngân hàng Nhà nước)	88/CT, 30/3/1991
51.	Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ ^(**) (Cơ quan thường trực: TW Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam)	72/TTg, 25/2/1993
52.	Ban Chỉ đạo Trung ương thành lập Quỹ tín dụng nhân dân ^(*) (Cơ quan thường trực: Ngân hàng Nhà nước)	260/TTg, 02/6/1993
53.	Ban Chỉ đạo Nhà nước về biển đông và các hải đảo (Cơ quan thường trực: Ban Biên giới của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	398/TTg, 05/8/1993
54.	Ban Chỉ đạo phòng, chống tệ nạn xã hội (Cơ quan thường trực: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	08/TTg, 05/01/1994
55.	Ban công tác đặc biệt chỉ đạo giải quyết mộ - liệt sỹ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh ở Lào (Cơ quan thường trực: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng)	106/TTg, 19/3/1994
56.	Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Giang và Mường Tè - Lai Châu (Cơ quan thường trực: Ủy ban Dân tộc và Miền núi)	190/TTg, 23/4/1994
57.	Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và đất ở ^(*) (Cơ quan thường trực: Bộ Xây dựng)	347/TTg, 5/7/1994
58.	Ban Chỉ đạo Quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường ^(*) ^(**) (Cơ quan thường trực: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)	516/TTg, 19/9/1994
59.	Ủy ban Tần số vô tuyến điện ^(*) ^(**) (Cơ quan thường trực: Tổng cục Bưu điện)	242/TTg, 27/4/1995
60.	Ban chống tham nhũng, chống buôn lậu (Bộ phận thường trực đặt tại Văn phòng Chính phủ)	35/TTg, 19/01/1996
61.	Ủy ban Quốc gia về đơn giản hóa các thủ tục hành không (Cơ quan thường trực: Cục Hàng không dân dụng Việt Nam)	83/TTg, 05/02/1996
62.	Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương ^(*)	300/TTg,

	<i>(Cơ quan thường trực: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</i>	13/5/1996
63.	Ủy ban công tác về các tổ chức phi Chính phủ <i>(Cơ quan thường trực: Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ)</i>	339/TTg, 24/5/1996
64.	Ban Chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên <i>(Cơ quan thường trực: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</i>	734/TTg, 4/10/1996
65.	Ban Chỉ đạo về phát triển thủy lợi và xây dựng nông thôn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long <i>(Cơ quan thường trực: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</i>	735/TTg, 4/10/1996
66.	Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn trên không và trên biển ^(**) <i>(Cơ quan thường trực: Bộ Quốc phòng)</i>	780/TTg, 23/10/1996
67.	Ban Quản lý các khu công nghiệp Việt Nam ^{(*)(**)} <i>(đặt tại Văn phòng Chính phủ)</i>	969/TTg, 28/12/1996
68.	Ban Điều hành quốc gia Quỹ môi trường toàn cầu của Việt Nam <i>(Cơ quan thường trực: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)</i>	07/TTg, 03/01/1997
69.	Ban Điều phối quốc gia mạng Internet Việt Nam <i>(Cơ quan thường trực: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)</i>	136/TTg, 05/3/1997
70.	Ban Chỉ đạo của Chính phủ về tổng rà soát và hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật <i>(Cơ quan thường trực: Bộ Tư pháp)</i>	355/TTg, 28/5/1997
71.	Ủy ban quốc gia về an ninh lương thực <i>(Cơ quan thường trực: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</i>	498/TTg, 7/7/1997
72.	Ủy ban quốc gia phòng, chống ma túy ^(*) <i>(Cơ quan thường trực: Bộ Công an)</i>	686/TTg, 25/8/1997
73.	Ủy ban an toàn giao thông quốc gia ^{(*)(**)} <i>(Cơ quan thường trực: Bộ Giao thông - Vận tải)</i>	917/1997/QĐ- TTg, 29/10/1997
74.	Ban Chỉ đạo chống buôn lậu và gian lận thương mại <i>(Cơ quan thường trực: Tổng cục Hải quan)</i>	966/1997/QĐ- TTg, 13/11/1997
75.	Tổ công tác sắp xếp doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh <i>(Cơ quan thường trực: UBND tp.Hà Nội và</i>	1021/1997/QĐ- TTg, 01/12/1997

	<i>UBND tp.Hồ Chí Minh</i>	
76.	Hội đồng chính sách khoa học công nghệ quốc gia (*) <i>(Cơ quan thường trực: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)</i>	1077/1997/QĐ-TTg, 12/12/1997
77.	Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật (Cơ quan thường trực: Bộ Tư pháp)	03/1998/QĐ-TTg, 07/01/1998
78.	Hội đồng quốc gia giáo dục (*) <i>(Đặt tại Văn phòng Chính phủ)</i>	06/1998/QĐ-TTg, 14/01/1998
79.	Ban công tác liên ngành về ODA (Cơ quan thường trực: Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	08/QĐ-TTg, 19/01/1998
80.	Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế (*) <i>(Cơ quan thường trực: Bộ Thương mại)</i>	31/1998/QĐ-TTg, 10/2/1998
81.	Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam (**) <i>(Cơ quan thường trực: TW Đoàn thanh niên cộng sản HCM)</i>	36/1998/QĐ-TTg, 13/2/1998
82.	Ban Chỉ đạo Tiền lương nhà nước (Cơ quan thường trực: Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ)	79/1998/QĐ-TTg, 9/4/1998
83.	Ban Chỉ đạo Trung ương phòng cháy, chữa cháy rừng (Cơ quan thường trực: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	86/1998/QĐ-TTg, 21/4/1998
84.	Ban Chỉ đạo tổ chức tổng điều tra dân số và nhà ở (*) <i>(Cơ quan thường trực: Tổng cục Thống kê)</i>	106/1998/QĐ-TTg, 09/6/1998
85.	Ban Chỉ đạo qui hoạch và xây dựng thủ đô Hà Nội (*) <i>(Cơ quan thường trực: UBND tp.Hà Nội)</i>	108/1998/QĐ-TTg, 20/6/1998
86.	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Trung ương (*) (**) <i>(Đặt tại Văn phòng Chính phủ)</i>	111/1998/QĐ-TTg, 29/6/1998
87.	Hội đồng quốc gia chỉ đạo, biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (*) <i>(**)</i>	112/1998/QĐ-TTg, 30/6/1998
88.	Ủy ban năm quốc tế người cao tuổi Việt Nam (Cơ quan thường trực: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	121/1998/QĐ-TTg, 9/7/1998
89.	Ban Chỉ đạo qui hoạch và xây dựng thành phố Hồ Chí Minh (*) <i>(Cơ quan thường trực: UBND tp.Hồ Chí Minh)</i>	123/QĐ-TTg, 10/7/1998
90.	Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (Cơ quan thường trực: Ban Tổ chức - Cán bộ	200/1998/QĐ-TTg, 14/10/1998

	<i>Chính phủ</i>	
91.	Ban Chỉ đạo triển khai các luật thuế mới (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Tài chính</i>)	208/1998/QĐ-TTg, 26/10/1998
92.	Ban Chỉ đạo hợp tác với các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Tài chính</i>)	217/1998/QĐ-TTg, 11/11/1998
93.	Ban Chỉ đạo khắc phục "sự cố năm 2000" trong các lĩnh vực có sử dụng công nghệ thông tin (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường</i>)	257/1998/QĐ-TTg, 31/12/1998
94.	Ban Chỉ đạo xây dựng điều hành Quỹ "đền ơn đáp nghĩa" (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</i>)	21/1999/QĐ-TTg, 13/2/1999
95.	Ban Chỉ đạo điều hành xuất khẩu gạo và nhập khẩu phân bón (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Thương mại</i>)	20/1999/QĐ-TTg, 13/2/1999
96.	Ban Chỉ đạo nhà nước về du lịch (<i>Cơ quan thường trực: Tổng cục Du lịch</i>)	23/1999/QĐ-TTg, 13/2/1999
97.	Ban Chỉ đạo quốc gia khắc phục hậu quả chất độc hậu quả hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh tại Việt Nam ^(*) (<i>Cơ quan thường trực: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường</i>)	33/1999/QĐ-TTg, 01/3/1999
98.	Ban chỉ đạo xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai (<i>Cơ quan thường trực: Ban quản lý các Khu công nghiệp Việt Nam</i>)	204/1999/QĐ-TTg ngày 18/10/1999

5- Tổng hợp các Ban Quản lý khu công nghiệp các địa phương đã thành lập đến tháng 8/1999

TT	Tên gọi	Quyết định thành lập
1.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai	204/TTg (06/4/1995)
2.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp và khu chế xuất Hải Phòng	240/TTg (27/4/1995)
3.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp và khu chế xuất Quảng Nam - Đà Nẵng	548/TTg (7/9/1995)
	QĐ đổi tên thành Ban Quản lý các Khu công nghiệp và khu chế xuất Đà Nẵng	45/1998/QĐ-TTg (24/02/1998)
4.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp và khu chế xuất Cần Thơ	749/TTg (15/11/1995)
5.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp và khu chế xuất Sông Bé (Bình Dương)	751/TTg (15/11/1995)
6.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp và khu chế xuất Hà Nội	758/TTg (20/11/1995)
7.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu	485/TTg (29/7/1996)
8.	Ban quản lý Khu công nghiệp Dung Quất	533/TTg (16/8/1996)
9.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp và khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh	731/TTg (03/10/1996)
10.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp VN-Singapo	870/TTg (18/11/1996)
11.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	830/TTg (11/9/1997)
12.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ninh	893/TTg (21/10/1997)
13.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Phú Thọ	971/1997/QĐ-TTg (21/11/1997)

14.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang	1070/1997/QĐ-TTg (12/12/1997)
15.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Long An	43/1998/QĐ-TTg (23/2/1998)
16.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Nam	46/1998/QĐ-TTg (24/2/1998)
17.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bắc Ninh	152/1998/QĐ-TTg (25/8/1998)
18.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Khánh Hòa	153/1998/QĐ-TTg (25/8/1998)
19.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Tháp	785/QĐ-TTg (29/8/1998)
20.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Phúc	190/1998/QĐ-TTg (29/9/1998)
21.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Phú Yên	199/1998/QĐ-TTg (13/10/1998)
22.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thanh Hóa	39/1999/QĐ-TTg (06/3/1999)
23.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thừa Thiên Huế	40/1999/QĐ-TTg (06/3/1999)
24.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Định	49/1999/QĐ-TTg (24/3/1999)
25.	Ban quản lý các Khu công nghiệp Nghệ An	107/1999/QĐ-TTg (23/4/1999)
26.	Ban quản lý các Khu công nghiệp Tây Ninh	156/1999/QĐ-TTg (23/7/1999)
27.	Ban quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Long	163/1999/QĐ-TTg (9/8/1999)
28.	Ban quản lý các Khu công nghiệp Bình Thuận	164/1999/QĐ-TTg (9/8/1999)